



HAXACO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
HANG XANH MOTORS SERVICE JOINT STOCK COMPANY



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

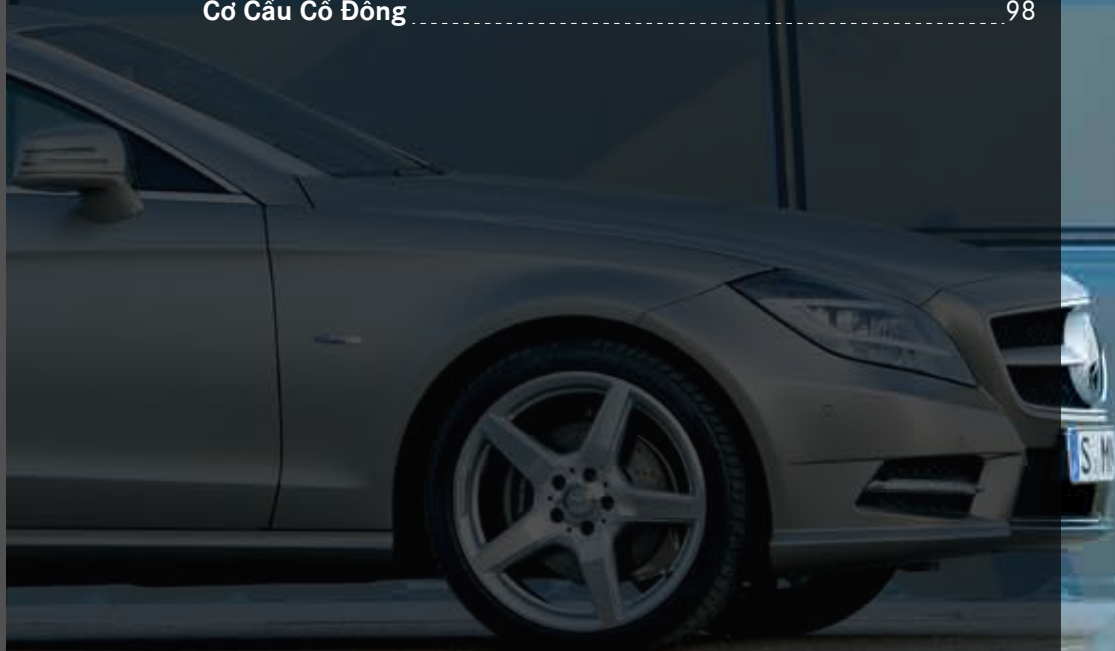
2010



Mercedes-Benz

MỤC LỤC

Khai Quát Hoạt Động HAXACO	3
Lịch Sử Hình Thành Công Ty	3
Quá Trình Phát Triển	5
Định Hướng Phát Triển	6
Cơ Cấu Nhân Sự	7
Báo Cáo Của Tổng Giám Đốc Về Việc Thực Hiện Nhiệm Vụ 2010	13
Tổng Quan Thị Trường Năm 2010	14
Kết Quả Kinh Doanh – Dịch Vụ Năm 2010	17
Kết Quả Đào Tạo 2010	19
Tình Hình Nhân Sự 2010	20
Tình Hình Lao Động & Thu Nhập Người Lao Động 2010	20
Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư	21
Hoạt Động Marketing – PR Năm 2010	26
Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất	34
A. Báo Cáo Ban Tổng Giám Đốc	35
B. Báo Cáo Kiểm Toán	39
C. Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất 2010	47
Báo Cáo Hội Đồng Quản Trị	64
Báo Cáo của Ban Kiểm Soát	74
Báo Cáo Phân Phối Lợi Nhuận Và Chi Trả Cổ Tức	77
Báo Cáo Chi Trả Thù Lao Công Vụ	77
Kế Hoạch Phát Triển 2011	78
a. Đặc Điểm Thị Trường	80
b. Sản Phẩm Và Dịch Vụ	81
c. Quản Trị Rủi Ro	85
d. Kế Hoạch Phát triển 2011	87
Cơ Cấu Cổ Đông	98



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CÔNG TY



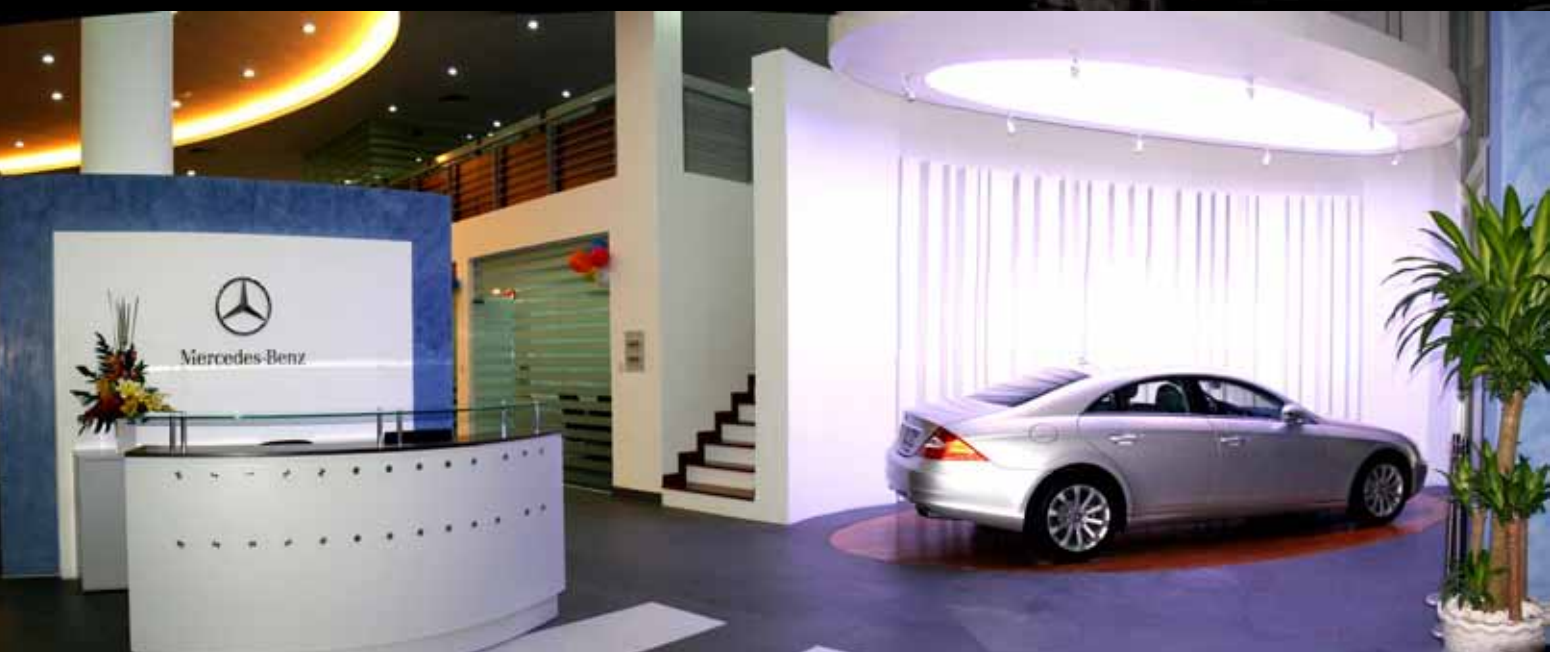
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tiên thân là Cửa hàng trưng bày và Xưởng sửa chữa xe Ô tô với tên gọi là SAMCO3, trực thuộc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn được thành lập theo quyết định số 155/QĐ-UB ngày 03/12/1992 của UBND TP.Hồ Chí Minh, nay là Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO).

Ngày 15/10/1999, SAMCO3 được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (viết tắt là Haxaco) theo quyết định 6148/QĐ-UB-KT của UBND TPHCM với ngành nghề kinh doanh như sau:

- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại xe Ô tô.
- Đại lý mua bán Ô tô và phụ tùng các loại.
- Tại thời điểm cổ phần hóa, Haxaco có vốn điều lệ là 4.500.000.000 đồng.

Ngày 01/06/2000, Haxaco chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Sau khi cổ phần hóa, Haxaco đã có những bước phát triển về quy mô và lĩnh vực hoạt động.

GIỚI THIỆU CÔNG TY



Giới Thiệu Về Công Ty:

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**
Tên tiếng Anh : Hang Xanh Motors Service Joint Stock Company
Tên giao dịch : HAXACO

Biểu tượng của công ty :  **HAXACO**

Điện thoại : (84-8) 3512 0026 – 3898 3416
Fax : (84-8) 3512 0025
Website : www.haxaco.com.vn
Trụ sở chính : 235/18 (10) Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh. Trụ sở hiện nay của Công ty được sử dụng làm văn phòng, showroom trưng bày xe, Xưởng sửa chữa với tổng diện tích mặt bằng là: 2.517 m2.
City Showroom : 104 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1.
Showroom đầu tiên với sự hiện diện đầy đủ các dòng xe Mercedes-Benz nhập khẩu chính hãng.
Vốn điều lệ : **80.558.460.000** đồng .
Giấy CNĐKKD : Số 4103000071 /CNĐKKD do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/05/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 13.

Giới Thiệu Về Công Ty:

- Tháng 06/2000: Haxaco trở thành đại lý của Công ty Liên doanh Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) và Xí nghiệp Liên doanh Sản xuất Ô tô Hòa Bình (VMC). Công ty cũng bổ sung thêm một số hoạt động mới, bao gồm: đóng mới thùng xe các loại; mua bán và cho thuê xe Ô tô; mua bán phụ tùng, máy móc thiết bị chuyên ngành Ô tô..
- Tháng 03/2001: Phát triển thêm hoạt động thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ.
- Tháng 09/2002: Haxaco đạt chứng nhận ISO 9001:2000 do tổ chức Quacert và JAS - ANZ của New-Zealand cấp trên 2 lĩnh vực: đại lý bán Ô tô và cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Ô tô.
- Tháng 10/2003: Haxaco phát hành thêm 67.500 cổ phiếu và nâng Vốn điều lệ lên 11.250.000.000 đồng.
- 11/08/2004: Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh chính thức trở thành Autohaus đầu tiên của Mercedes-Benz tại Việt Nam.
- Tháng 08/2005: Haxaco đăng ký tăng Vốn điều lệ lên 16.257.300.000 đồng.
- Tháng 01/2008: Công ty tăng Vốn điều lệ lên 43.312.110.000 đồng.
- Tháng 11/2008: Haxaco khai trương Showroom thứ 2 tại TP.HCM.

Hiện nay, Haxaco là nhà phân phối Mercedes-Benz có chất lượng dịch vụ sửa chữa hàng đầu Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại.

Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại xe ô tô.

Đóng mới thùng xe các loại.

Mua bán và cho thuê xe ô tô, mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô.

Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới.

Dịch vụ cứu hộ xe ô tô.

Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc cán, kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện).

Kinh doanh bất động sản.

Tình hình niêm yết

- 13/12/2006: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước có Quyết định số 113/ UBCK-GPNY về việc cho phép Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.
- 26/12/2006: Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- 17/01/2008: Niêm yết bổ sung 2.705.481 cổ phiếu HAX phát hành thêm đưa tổng số cổ phiếu HAX giao dịch trên thị trường chứng khoán TP.HCM lên 4.331.211 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm được chính thức giao dịch ngày 25/01/2008.
- 20/10/2009: Năm 2009, Haxaco phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tổng số cổ phiếu HAX giao dịch trên thị trường tăng lên 8.055.846 triệu cổ phiếu.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



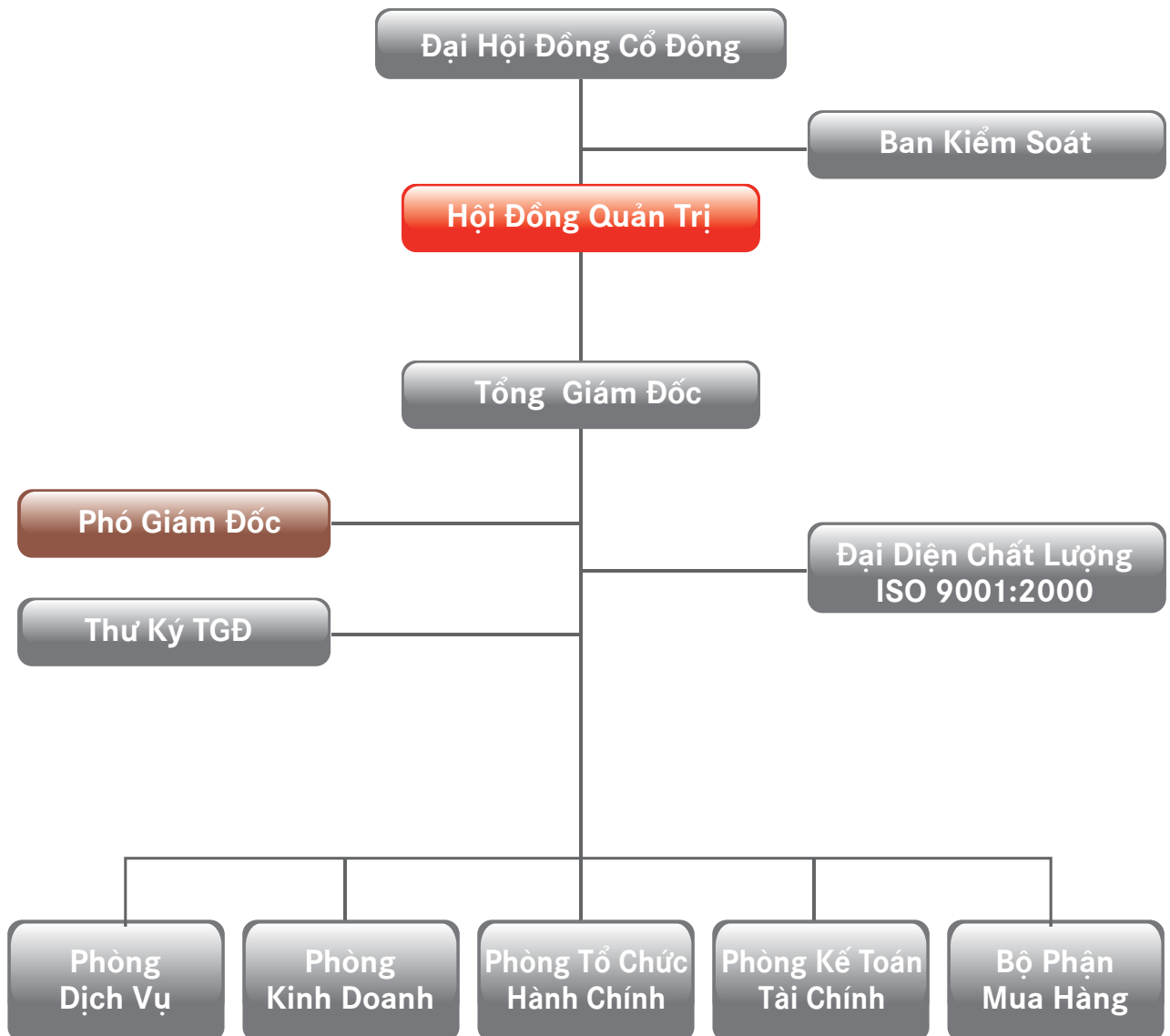
Mục Tiêu Chủ Yếu:

- Mục tiêu chủ yếu của HAXACO là trở thành nhà cung cấp dịch vụ về xe hơi cao cấp đạt tiêu chuẩn toàn cầu để phục vụ tốt nhất khách hàng Việt Nam.
- Giữ vững vị trí trong top 3 nhà phân phối đứng đầu của MBV về thị phần.
- Khai thác tối đa và nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ và sửa chữa xe.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh để đa dạng hoá và hạn chế rủi ro kinh doanh.
- Thu hút nhân tài và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CB CNV Công ty.
- Củng cố và nâng tầm thương hiệu HAXACO.

Chiến Lược Phát Triển:

- Mở rộng, xây dựng thêm Showroom và Workshop mới tại các tỉnh, thành phố lớn như Cần Thơ, TP.HCM ...;
- Nâng cấp Xưởng sửa chữa MB;
- Đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng tại số 10 Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh;
- Đầu tư xây dựng cao ốc CAMECO;
- Kinh doanh các loại xe Mercedes-Benz cao cấp nhập khẩu và các dòng xe cũ nhập khẩu;
- Cung cấp thêm các dịch vụ sửa chữa cho các dòng xe khác;
- Có chính sách chi trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu hợp lý đảm bảo lợi ích của cổ đông, đồng thời có lợi nhuận tích lũy để bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Tăng ngân sách đào tạo nhân viên để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, quản lý.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CƠ CẤU NHÂN SỰ

SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA HĐQT, BTGD, BKS

A/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Chủ tịch HĐQT - NGUYỄN TIẾN DŨNG

Ngày tháng năm sinh : 26/11/1961
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 020734992 cấp ngày 24/06/1994 tại CA TP.HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : An Giang
Địa chỉ thường trú : 256/40 Nguyễn Tiểu La, P. 8, Q. 10, TP. HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản lý Kinh tế, Kỹ sư chế tạo máy
Quá trình công tác :
1984 - 1994 : Kỹ sư Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
1994 - 1998 : Phó Giám đốc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
1998 - 2004 : Giám đốc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
2004 - nay : Tổng Giám đốc Tổng Cty CK Giao thông Vận tải Sài Gòn,
Chủ tịch HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CK GTVT Sài Gòn,
Chủ tịch HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Số cổ phiếu nắm giữ : 2.689.794 cổ phiếu (33,39%).
Trong đó: + Sở hữu: 61.008 cổ phiếu (0,76%).
+ Đại diện sở hữu Vốn SAMCO: 2.628.786 cổ phiếu (32,63%).

Thành viên HĐQT – NGUYỄN HỒNG ANH

Ngày tháng năm sinh : 28/03/1961
Nơi sinh : Vũ Lăng, Kiến Xương, Thái Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 020597824 cấp ngày 04/04/2005 tại CA TP.HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Sài Gòn
Địa chỉ thường trú : 129 Đinh Bộ Lĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí nông nghiệp
Quá trình công tác :
04/1984 - 11/1993 : Kỹ sư Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
12/1993 - 08/1996 : Phó Quản đốc phân xưởng sửa chữa Công ty CK Ô tô Sài Gòn
09/1996 - 06/1999 : Quản đốc phân xưởng Samco 3 Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
07/1999 - 07/2004 : Phó Giám đốc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
08/2004 - nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ Khí GTVT Sài Gòn
06/2006 - nay : Thành viên HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Chức vụ hiện nay : Tổng Giám đốc Tổng Cty CK GTVT Sài Gòn,
Thành viên HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Số cổ phiếu nắm giữ : 28.079 cổ phiếu (0,35%).
Trong đó: + Sở hữu: 28.079 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

Thành viên HĐQT – PHẠM TUẤN MAI

Ngày tháng năm sinh : 19/10/1955
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Số CMND : 021609404 cấp ngày 10/01/2007 tại CA TP.HCM
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Đà Nẵng
 Địa chỉ thường trú : 110C Trần Bình Trọng, P. 1, Q. 5, TP. HCM
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
 Quá trình công tác :
 1975 - 1979 : Hoạt động trong Quân đội Việt Nam
 1979 - 1983 : Học Đại học Bách khoa
 1983 - nay : Cán bộ Công ty xăng dầu khu vực II
 Chức vụ công tác hiện nay : Chuyên viên Công ty xăng dầu Khu vực 2,
 Thành viên HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
 Số cổ phiếu nắm giữ : 329.613 cổ phiếu (4.09%).
 Trong đó: + Sở hữu: 329.613 cổ phiếu
 + Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

Thành viên HĐQT – ĐẶNG PHẠM MINH LOAN

Ngày tháng năm sinh : 18/03/1977
 Nơi sinh : Nam Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Số CMND : 024326432 cấp ngày 11/08/2006 tại CA TP.HCM
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Nam Định
 Địa chỉ thường trú : 06 Phạm Ngũ Lão, Quận Gò Vấp, TP.HCM
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Kiểm toán
 Kế toán viên công chứng Anh quốc (ACCA, UK)
 Kiểm toán viên cấp Nhà nước (CPA, Việt Nam)
 Quá trình công tác :
 1999 - 2000 : Kế toán Tài chính, Kế toán quản trị công ty Unilever Việt Nam
 2000 - 2005 : Kiểm toán viên, Phó trưởng Phòng Kiểm toán Công ty Kiểm
 toán KPMG Việt Nam
 2005 - nay : Công ty Vinacapital Corporate Finance Vietnam
 Chức vụ công tác hiện nay : Giám đốc công ty Vinacapital Corporate Finance Vietnam
 Thành viên HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
 Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu
 Trong đó: + Sở hữu: 0 cổ phiếu
 + Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

CƠ CẤU NHÂN SỰ

B/ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - NGUYỄN VĂN ĐỨC

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1968
Nơi sinh : Vĩnh Long
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 024567218 cấp ngày 14/06/2006 tại CA TP.HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú : 244 Tạ Quang Bửu, P.4, Q.8, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Ô tô – Cơ khí (Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM)
Cử nhân Quản trị Kinh doanh (ĐH Kinh tế TP. HCM)

Quá trình công tác :

08/1991- 05/2000 : Công tác tại Công ty Liên doanh Sài Gòn Ô tô sau đổi thành Công ty Liên doanh Ô tô Isuzu Việt Nam với các vị trí như sau: Quản đốc xưởng tổng thành Ô tô, Trợ lý Tổng Giám đốc, Cửa hàng trưởng Isuzu.

06/2000 - 03/2004 : Trưởng phòng Kinh doanh Cty CPDV Ô tô Hàng Xanh.
04/2004 - 06/2006 : Phó Giám đốc Kinh doanh Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh.
07/2006 - 08/2007 : Giám đốc Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
05/2007 - nay : Thành viên HĐQT kiêm TGD Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh

Số cổ phiếu nắm giữ : 333.145 cổ phiếu (4,14%).
Trong đó: + Sở hữu: 333.145 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

Phó Giám đốc - VÕ THIẾU LÂM

Ngày tháng năm sinh : 01/09/1963
Nơi sinh : Quảng Ngãi
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 021353397 cấp ngày 13/12/1999 tại CA TP.HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thủ Đức
Địa chỉ thường trú : 19A Khu phố 3, P. Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP. HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Ô tô

Quá trình công tác :

12/1987 - 9/1993 : Nhân viên kỹ thuật Cty xe khách Thành thuộc Sở Giao Thông vận tải TP.HCM

8/1996 - 6/2000 : Nhân viên kỹ thuật - Quyền Quản Đốc Xưởng Samco 3 thuộc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn

6/2000 - nay : Phó Giám Đốc Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Giám Đốc Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh

Số cổ phiếu nắm giữ : 11.474 cổ phiếu (0,14%)
Trong đó: + Sở hữu: 11.474 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

C/ BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban Kiểm soát – VẦN NGỌC TRƯỜNG SƠN

Ngày tháng năm sinh : 12/09/1969
 Nơi sinh : Hà Tây
 Quốc tịch : Việt Nam
 Số CMND : 024250356 cấp ngày 30/03/2004 tại CA TP.HCM
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Hải Lăng, Quảng Trị
 Địa chỉ thường trú : 215 lô G Chung cư Bàu Cát 2, P. 10, Q. Tân Bình
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
 Quá trình công tác :
 07/1996 - 03/1998 : Công tác tại Công ty XNK may Sài Gòn
 12/1998 - 10/2004 : Công tác tại Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
 10/2004 - 09/2007 : Công tác tại Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn
 09/2007 - nay : Giảng viên Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM,
 Công tác Cty DV Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất
 Chức vụ công tác hiện nay : Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty DV Hàng
 không sân bay Tân Sơn Nhất,
 Trưởng BKS Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh.
 Số cổ phiếu nắm giữ : 6.680 cổ phiếu (0,08%).
 Trong đó: + Sở hữu: 6.680 cổ phiếu
 + Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

Thành viên Ban Kiểm soát – TRẦN THỊ NGỌC PHƯƠNG

Ngày tháng năm sinh : 12/12/1975
 Nơi sinh : An Giang
 Quốc tịch : Việt Nam
 Số CMND : 351154538 cấp ngày 15/05/1992 tại CA An Giang
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : An Giang
 Địa chỉ thường trú : 115 Trần Đình Xu, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. HCM
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
 Quá trình công tác :
 1998 - nay : Công tác tại Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn
 Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán viên TCty Cơ khí GTVT Sài Gòn,
 Thành viên Ban Kiểm soát Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh
 Số cổ phiếu nắm giữ : 8 cổ phiếu (0,00%).
 Trong đó: + Sở hữu: 8 cổ phiếu
 + Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

Thành viên Ban Kiểm soát – NGUYỄN VĂN MINH

Ngày tháng năm sinh	: 02/04/1971
Nơi sinh	: Sài Gòn
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 310808110 cấp ngày 26/09/2005 tại CA Tiền Giang
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Cai Lậy, Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	: 861/27/6/3 Trần Xuân Soạn, P. Tân Hưng, Q.7
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác	:
1992-1996	: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Út Thương
1997-1998	: Kế toán tổng hợp Công ty Thực phẩm Sài Gòn
1999-nay	: Kế toán trưởng Cty TNHH TBVP Đại Phong
07/2006-nay	: Thành viên Ban Kiểm soát Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh
2008 – nay	: Kế toán trưởng Cty TNHH TM Phong Tín
Chức vụ hiện nay	: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Phong Tín, Thành viên BKS Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
Số cổ phiếu nắm giữ	: 930 cổ phiếu (0,01%).
Trong đó: + Sở hữu: 930 cổ phiếu	
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu	

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 2010

- Tổng Quan Thị Trường Năm 2010
- Kết Quả Kinh Doanh – Dịch Vụ Năm 2010
- Kết Quả Đào Tạo 2010
- Tình Hình Nhân Sự 2010
- Tình Hình Lao Động & Thu Nhập Người Lao Động 2010
- Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư
- Hoạt Động Marketing – PR Năm 2010



125! years of innovation



Mercedes-Benz

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NĂM 2010

TÊN CÔNG TY : CÔNG TY CP DV Ô TÔ HÀNG XANH
 ĐỊA CHỈ : 235/18 ĐIỆN BIÊN PHỦ, P.15, Q. BÌNH THẠNH
 TÊN VIẾT TẮT : HAXACO
 MÃ CHỨNG KHOÁN : HAX
 WEBSITE : www.haxaco.com.vn

2000

- 10.1999 Cổ phần hóa
- 06.2000 Chính thức hoạt động
- 06.2000 Vốn Điều lệ 4,5 tỷ VNĐ
- 10.2003 Vốn Điều lệ 11,25 tỷ VNĐ

2004

- 08.2004 Dealer đầu tiên của MBV

2006

- 08.2005 Vốn Điều lệ 16,257 tỷ VNĐ
- 12.2006 Niêm yết trên sàn HOSE

2010

- 01.2008 Vốn Điều lệ 43,312 tỷ VNĐ
- 11.2008 Khai trương City Showroom
- 10.2009 Vốn Điều lệ 80,558 tỷ VNĐ
- 07.2010 Ký HĐ thuê MB mở thêm S&W
- 10.2010 Khai trương HAXACO Cẩn Thơ

Haxaco History

- GDP (6.78%)
- Lạm phát 11.75% (vượt chỉ tiêu 5%)
- Tăng trưởng tín dụng 27,65% (giảm so với 37.73% năm 2009)
- Chính sách thắt chặt tiền tệ

Thị trường Việt Nam năm 2010

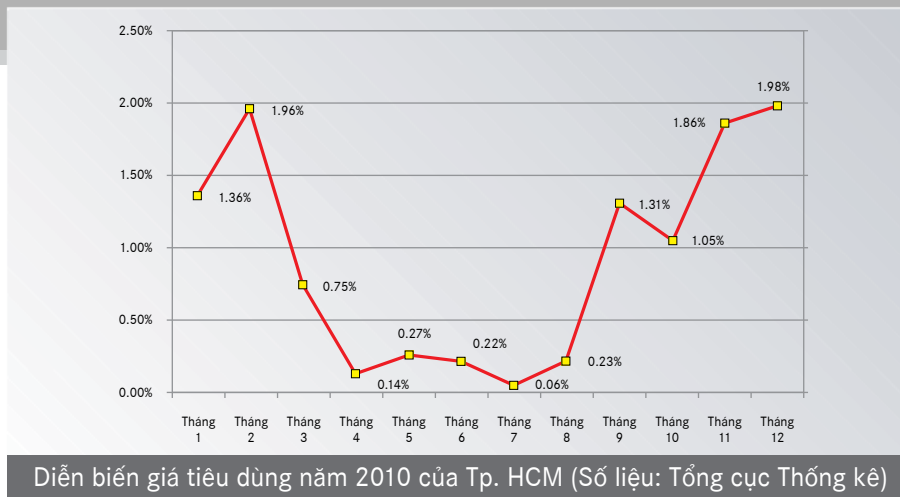
VNIndex
 Jan 13, 2011 - Daily chart
 Closing Price: 470.4 | DOLLINGER (20, 2): 471.6 - 409.8

The chart shows the VNIndex fluctuating between approximately 400 and 500 points throughout the period from January 18 to January 11, 2011. The index starts around 480, peaks near 500 in May, and ends around 470 in January 2011.

Thị trường chứng khoán nhiều biến động

TÌNH HÌNH KTXH TP HCM NĂM 2010

Nhìn nhận ở góc độ tổng thể, qua 2 năm đây khó khăn do ảnh hưởng suy thoái toàn cầu, nền kinh tế Tp.HCM đã phục hồi nhanh. Riêng ngành công nghiệp thành phố đã tăng trưởng đi vào chiều sâu.



ĐẶC ĐIỂM THỊ TRƯỜNG Ô TÔ 2010

Sau một năm 2009 tăng trưởng đầy bất ngờ, thị trường ô tô Việt Nam năm 2010 đã bước vào giai đoạn trầm lắng.

Nguyên nhân là do các chính sách ưu đãi về thuế, phí không còn, bên cạnh đó là chính sách siết chặt tín dụng, hạn chế cho vay mua ô tô, sự điều chỉnh tỷ giá giữa USD và VND theo hướng giảm giá VND, tăng lệ phí đăng ký ô tô, phí môi trường, hàng loạt các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế xe nhập khẩu đang được áp dụng,... khiến thị trường ô tô VN có nhiều khó khăn.

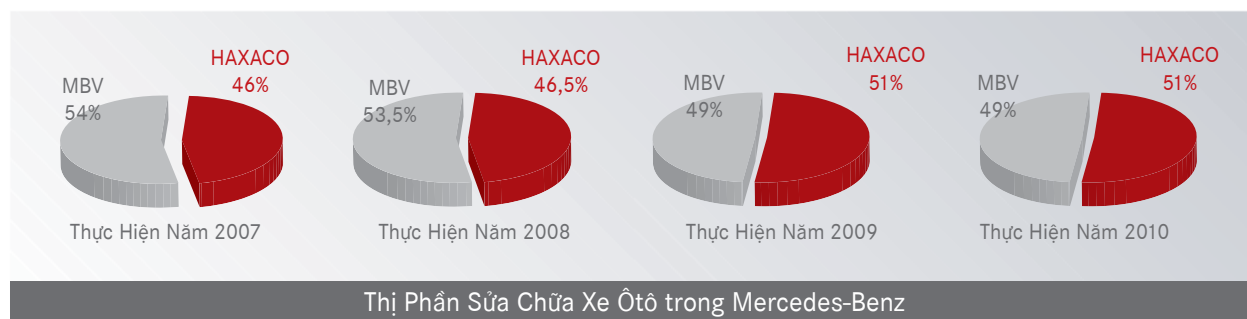
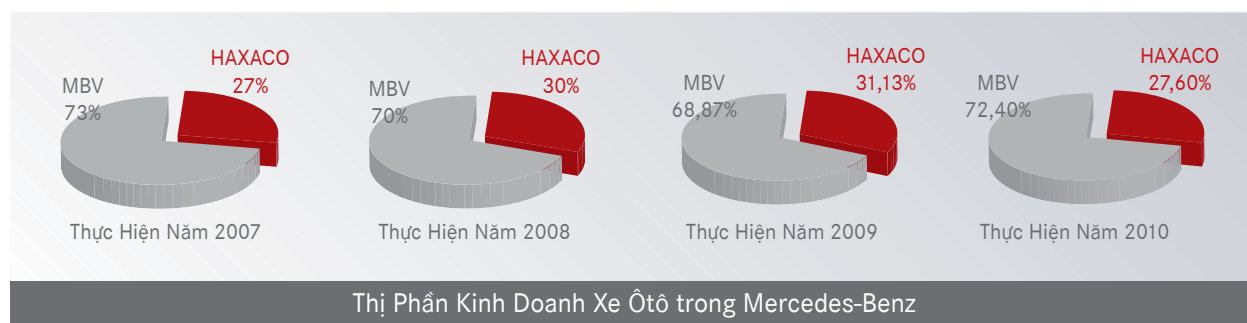
Và có một điều thấy được rất rõ là thị trường ô tô Việt Nam rất nhạy cảm với các chính sách do Nhà nước ban hành.

Sản lượng bán hàng của toàn bộ các thành viên VAMA năm 2010 đạt 112.224 xe, giảm 6% so với cùng kỳ năm ngoái, xe thương mại và xe con giảm lần lượt 4%, 3%, xe đa dụng 13%.

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NĂM 2010

SẢN LƯỢNG BÁN HÀNG TRONG VAMA

	Jan.- Dec. 2010		Jan.- Dec. 2009		Difference	
	Unit	%	Unit	%	Unit	%
Mekong (Fiat, Ssangyong, PMC)	374	0,3%	616	0,5%	(242)	-39%
VMC (BMW, Mazda, Kia)	622	0,6%	784	0,7%	(162)	-21%
GM Daewoo	9.685	8,6%	14.200	11,9%	(4515)	-32%
VinaStar (Mitsubishi)	2.492	2,2%	3.666	3,1%	(1174)	-32%
Mercedes-Benz Vietnam	2.827	2,5%	3.399	2,8%	(572)	-17%
Visuco (Suzuki)	3.242	2,9%	2.669	2,2%	573	21%
Toyota	31.135	27,7%	30.110	25,2%	1026	3%
Isuzu*	1.978	1,8%	2.997	2,5%	(1019)	-34%
Ford	6.475	5,8%	8.286	6,9%	(1811)	-22%
Hino*	1.230	1,1%	2.199	1,8%	(969)	-44%
SAMCO	406	0,4%	482	0,4%	(76)	-16%
Truong Hai	26.047	23,2%	21.617	18,1%	4430	20%
Vinacomin - Vinacoal*	234	0,2%	256	0,2%	(22)	-9%
Vinaxuki	9.002	8,0%	8.680	7,3%	322	4%
Honda	3.140	2,8%	4.215	3,5%	(1075)	-26%
Vinamotor*	12.274	10,9%	15.284	12,8%	(3010)	-20%
SANYANG	1.061	0,9%	-	0%	1061	
Total	112.224	100%	119.459	100%	7.235	-6%



KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ 2010				ĐVT: Triệu đồng
STT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ (%)
1	Số lượng xe bán	747	910	82,09
2	Số lượt sửa chữa	10.469	11.500	91,03
3	Doanh thu thuần	1.004.481	1.300.000	77,27
4	Lợi nhuận trước thuế	19.839	20.000	99,20

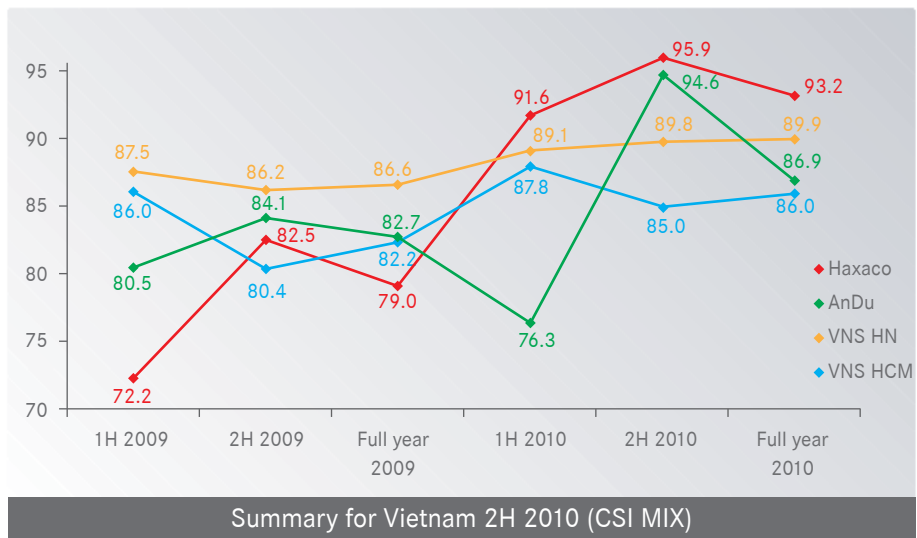
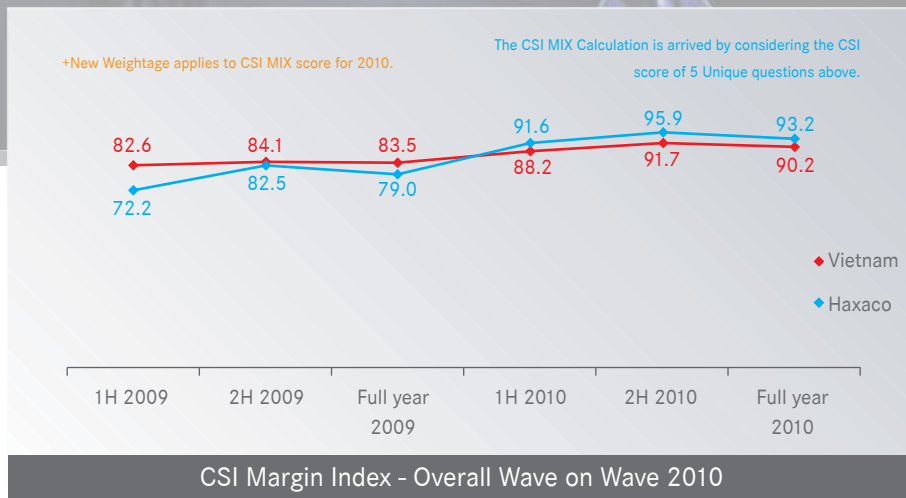
Mặc dù số lượng xe có giảm, nhưng bằng các:

- ▶ Biện pháp Kỹ thuật.
- ▶ Chính sách bán hàng linh hoạt.
- ▶ Chính sách khuyến khích nhân viên.
- ▶ Sự phối hợp của các BP hỗ trợ.
- ▶ Tiết giảm chi phí.
- ▶ Chính sách tài chính.

Lợi nhuận đã gia tăng một cách đáng kể.

GENERAL DEALER INFORMATION						
OVERALL	1H 2009	2H 2009	Full year 2009	1H 2010	2H 2010	Full year 2010
Overall Response rate (%)	68,4	74,0	71,9	37,1	48,3	42,5
No. of Customers	190	311	501	464	424	888
No. of Interviews Completed	130	230	360	172	205	377
CSI MIX Score	82.6	84.1	83.5	88.2	91.7	90.2
HAXACO	1H 2009	2H 2009	Full year 2009	1H 2010	2H 2010	Full year 2010
Overall Response rate (%)	71,4	73,8	72,9	54,9	54,5	54,8
No. of Customers	49	80	129	162	88	250
No. of Interviews Completed	35	59	94	89	48	137
CSI MIX Score	72.2	82.5	79.0	91.6	95.9	93.2

KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ 2010



SO SÁNH VỚI KẾT QUẢ NĂM 2009				ĐVT: Triệu đồng
STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	Tỷ lệ (%)
1	Số lượng xe bán	1.058	747	70,60
2	Số lượt sửa chữa	10.533	10.469	99,39
3	Doanh thu thuần	1.183.212	1.004.481	84,89
4	Lợi nhuận trước thuế	20.291	19.839	97,77

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ				ĐVT: Triệu đồng
STT	Chỉ tiêu	2009	2010	Tỷ lệ (%)
1	Số lượng xe sửa chữa	10.533	10.469	99,39
2	Doanh thu thuần	58.832	80.474	136,79
3	Lợi nhuận trước thuế	5.940	9.966	167,78
4	Bình quân LN TT/ xe (Triệu đồng/xe)	0,57	0,95	166,67
5	Tỷ suất LN TT/DT (%)	10,10	12,38	122,57

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

Tiếp tục chú trọng công tác đào tạo, tái đào tạo về mọi mặt: tay nghề, văn hóa, nâng cao và bồi dưỡng nghiệp vụ. Thường xuyên tổ chức hoặc liên kết với Mercedes - Benz Vietnam, SAMCO, các tổ chức giáo dục bên ngoài thực hiện các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và khả năng quản lý chuyên môn cho CBCNV - CN Công ty, nhằm nâng cao chất lượng nhân sự.

Trong năm 2010, Haxaco đã đào tạo được 260 lượt cho CBCNV với tổng kinh phí là 190.000.000 VND

KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ 2010

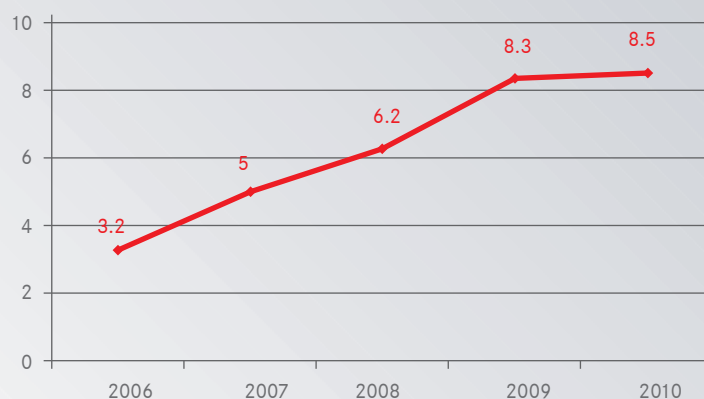
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Nhằm chuẩn bị cho các Kế hoạch phát triển, đồng thời chú trọng công tác bán hàng, tiếp thị.

Trong năm 2010, Haxaco đã tuyển dụng 27 lao động, trong đó có 02 Quản lý, 13 NVBH, 01 CVDV, 03 công nhân, 02 NV Marketing, 06 Nhân viên.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ				ĐVT: Triệu đồng
STT	Nội dung	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ (%)
1	Lập dự án tiền khả thi Cao ốc Vp 10 ĐBP	-	500	-
2	Nâng cấp server, internet, CNTT	11,27	200	5,64
3	Nâng cấp, bảo dưỡng tòa nhà, VP	674,60	800	84,33
4	Trang thiết bị Văn phòng	379,43	360	105,40
5	Đầu tư vào CAMECO	5.000,00	5.800	116,00
6	Trang thiết bị phụ tùng, nhà xưởng	659,56	3.000	21,99
	Cộng	6.724,86	9.860	68,20

LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG



				ĐVT: Triệu đồng
STT	Nội dung	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ (%)
1	Tổng quỹ lương	16.743	18.000	93,02
2	Tiền lương bình quân/ lao động/ tháng	8,56	8,82	97,05

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Dự án S&W Đại lộ Đông Tây
- Dự án Đầu tư ở Cần Thơ
 - Dự án Autohaus Haxaco Cần Thơ
 - Dự án Showroom Mitsubishi (CAMECO)



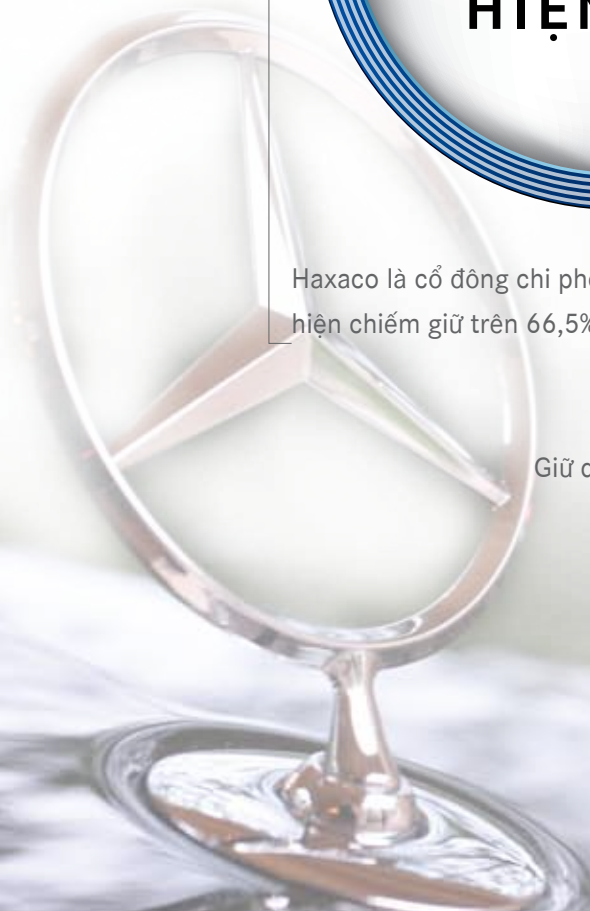
DỰ ÁN S&W ĐẠI LỘ ĐÔNG TÂY



Đã ký kết Hợp đồng thuê mặt bằng chuẩn bị cho Dự án mở thêm Workshop mới ở Đại lộ Đông Tây nhằm mở rộng phát triển ra hướng cửa ngõ phía Tây TP HCM và từng bước thực hiện Dự án Cao ốc số 10 Điện Biên Phủ

Hoàn tất cùng lúc 02 Dự án lớn tại Cần Thơ: Autohaus Haxaco Cần Thơ (15/10/2010) và Showroom Mitsubishi (03/12/2010).

Thành lập Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ (tên viết tắt là CAMECO) tại số 274 Đường 30/4 P.Hung Lợi, Q.Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ sẽ thực hiện nhiệm vụ ký kết các hợp đồng và mọi hoạt động liên quan tới kinh doanh xe MITSUBISHI.



DỰ ÁN ĐẦU TƯ Ở CẦN THƠ HIỆN NAY

Haxaco là cổ đông chi phối với tỷ lệ vốn hiện chiếm giữ trên 66,5%

Giữ quyền quản lý, điều hành đối với
CAMECO

DỰ ÁN AUTOHAUS HAXACO CẦN THƠ



DỰ ÁN
SHOWROOM MITSUBISHI (CAMECO)



KHẲNG ĐỊNH VỊ THỂ HAXACO

THIẾT LẬP ĐỘ TIN CẬY
NƠI KHÁCH HÀNG, TĂNG CHỈ SỐ CSI

GIA TĂNG MỨC ĐỘ
NHẬN BIẾT

HOẠT ĐỘNG
MARKETING

HOẠT ĐỘNG
PR

TỔ CHỨC
EVENT



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

CHIẾN LƯỢC KÉO

Tổ chức chương trình khuyến mãi cho khách hàng mua xe và sử dụng dịch vụ.

Tặng thẻ V.I.P cho khách hàng kèm nhiều ưu đãi hấp dẫn có giá trị dài hạn

Tăng mức thưởng cho nhân viên bán hàng



CHIẾN LƯỢC ĐẨY

Xây dựng các chính sách tiền lương thích hợp để khuyến khích nhân viên bán hàng

Tổ chức các chương trình liên kết giữa nhà phân phối - khách hàng và các nhà cung cấp dịch vụ (ngân hàng, bảo hiểm ...)

Tìm kiếm các khách hàng tiềm năng từ những nguồn khác nhau, kết hợp tài trợ những sự kiện lớn...

Kết hợp các hoạt động truyền thông khác nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho khách hàng tư vấn online, đặt chỗ qua mạng, thông báo đến thời hạn bảo dưỡng xe định kỳ bằng email, điện thoại,...



HOẠT ĐỘNG MARKETING - PR



TRIỂN LÃM MERCEDES FASCINATION T05/2010



MERCEDES TROPHY Ở SÂN GOLF LONG THÀNH



MERCEDES TROPHY Ở SÂN GOLF THỦ ĐỨC T06/2010



HOẠT ĐỘNG MARKETING - PR

GOLF TWIN DOVES Ở BÌNH DƯƠNG



TEST DRIVE Ở VŨNG TÀU



TEST DRIVE Ở PHAN THIẾT



HOẠT ĐỘNG MARKETING - PR

GIẢI GOLF MEMBERSHIP Ở DIAMOND BAY T07/2010



BÀN GIAO XE CHO KHÁCH SẠN CARAVELL



TEST DRIVE Ở CẦN THƠ T08/2010



CHƯƠNG TRÌNH “DỊCH VỤ NHƯ Ý, VẠN LÝ VUI XUÂN”

(từ ngày 11/01/2010 đến 06/02/2010)

Kiểm tra xe và rửa xe miễn phí.

Giảm giá 10% tiền công dịch vụ.

Giảm giá 10% phụ tùng chính hãng MBV.

Giảm giá 20% dầu động cơ.

CHƯƠNG TRÌNH “KHÔNG KHÍ MÁT MỀ, LÁI XE SẢNG KHOÁI”

(từ ngày 13/04/2010 đến 29/04/2010)

Kiểm tra tổng quát dàn lạnh.

Giảm giá 20% tiền công dịch vụ.

Giảm giá 20% phụ tùng chính hãng Mercedes.

(Chỉ áp dụng cho xe kiểm tra dàn lạnh)

**CHƯƠNG TRÌNH “CHĂM SÓC XE MERCEDES
TRƯỚC NOEL VÀ NĂM MỚI 2011”**

(từ ngày 15/11/2010 đến 30/11/2010)

Kiểm tra xe miễn phí

Giảm giá 10% tiền công dịch vụ

Giảm giá 10% phụ tùng chính hãng MBV

Giảm giá 10% dầu động cơ.

CHƯƠNG TRÌNH TẶNG THẺ VIP CHO KHÁCH HÀNG

**CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG (GỌI ĐIỆN THOẠI THĂM HỎI,
CHÚC MỪNG SINH NHẬT KHÁCH HÀNG)**

CHƯƠNG TRÌNH “DỊCH VỤ KHÔNG NGỪNG 24/07”

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và Công ty cổ phần cơ khí ô tô Cần Thơ (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

KHÁI QUÁT VỀ TẬP ĐOÀN

Công ty mẹ

Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty cơ khí ô tô Sài Gòn theo Quyết định số 6418/QĐ – UB – KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000071 ngày 17 tháng 5 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- * Thay đổi lần thứ 01 ngày 30 tháng 06 năm 2000, lần thứ 02 ngày 06 tháng 3 năm 2001, lần thứ 06 ngày 08 tháng 10 năm 2004, lần thứ 11 ngày 25 tháng 04 năm 2008, lần thứ 12 ngày 29 tháng 7 năm 2008, lần thứ 13 ngày 27 tháng 04 năm 2009 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh.
- * Thay đổi lần thứ 03 ngày 23 tháng 05 năm 2001, lần thứ 04 ngày 08 tháng 4 năm 2003, lần thứ 05 ngày 23 tháng 12 năm 2003, lần thứ 07 ngày 26 tháng 7 năm 2005, lần thứ 14 ngày 5 tháng 09 năm 2009, về việc tăng vốn điều lệ.
- * Thay đổi lần thứ 09 ngày 28 tháng 6 năm 2006 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- * Thay đổi lần thứ 10 ngày 23 tháng 8 năm 2007 về việc thay đổi chức danh và địa chỉ người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ	80.558.460.000 VND	
Trong đó:		
<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Cổ đông Nhà nước	26.287.860.000	32,63
Cổ đông khác	54.270.600.000	67,37
Cộng	80.558.460.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 26 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là HAX.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 – 8) 3 5 120 026 – 3 5 120 840
Fax : (84 – 8) 3 5 120 025
Mã số thuế : 0 3 0 2 0 0 0 1 2 6

Hoạt động chính của Công ty là:

- * Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- * Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại;
- * Đóng mới thùng xe các loại;
- * Mua bán và cho thuê ô tô, mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- * Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- * Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- * Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò hàn, sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- * Kinh doanh bất động sản;
- * Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- * Đại lý bảo hiểm.

Công ty con

Tên công ty : Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Ô Tô Cần Thơ
Địa chỉ trụ sở chính : 102 Cách mạng tháng tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Giấy phép thành lập : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000010 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.
Tỷ lệ sở hữu : 66,41%

Tên công ty : Công Ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Ô Tô Cần Thơ
Địa chỉ trụ sở chính : 274 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Giấy phép thành lập: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801164717 ngày 08 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp
Tỷ lệ sở hữu : 66,41%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm 2010, Công ty cổ phần cơ khí ô tô Cần Thơ quyết định phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 25 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và 500.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 85/2010/BB-HĐQT và Quyết định Hội đồng quản trị số 84/QĐ - CMC ngày 13 tháng 05 năm 2010 nhưng đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty TNHH một thành viên cơ khí ô tô Cần Thơ - Công ty con của Công ty cổ phần cơ khí ô tô Cần Thơ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801164717 ngày 08 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty TNHH một thành viên cơ khí ô tô Cần Thơ vẫn chưa có số liệu phát sinh.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

Trong năm, Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh đã phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết số 03/2010/NQHĐQT ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng quản trị như sau:

- Trích lập các quỹ	2.603.915.707	VND
- Chia cổ tức	4.833.507.600	VND
Cộng	7.437.423.307	VND

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Phạm Tuấn Mai	Ủy viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Ủy viên	11 tháng 4 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Văn Ngọc Trường Sơn	Trưởng ban	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2006	-
Ông Võ Thiếu Lâm	Phó Giám đốc	01 tháng 7 năm 2006	-

Theo Quyết định số 50A/2010/QĐ-TCHC ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Tổng Giám đốc, Ông Võ Thiếu Lâm được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần cơ khí ô tô Cần Thơ từ ngày 01 tháng 6 năm 2010.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh phải:

- + Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- + Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- + Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- + Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 04 năm 2011



BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Số: 0414/2011/BCTC-KTTV



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và Công ty cổ phần cơ khí ô tô Cần Thơ (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2011, từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trường - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

DVT: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		243,291,181,312	180,281,460,719
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32,758,656,697	14,833,172,953
1. Tiền	111		18,758,656,697	14,833,172,953
2. Các khoản tương đương tiền	112		14,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4,000,050,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	4,000,050,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55,840,930,020	84,898,718,426
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	51,896,282,622	83,510,367,155
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2,163,216,001	782,703,431
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	3,825,970,677	605,647,840
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2,044,539,281)	-
IV. Hàng tồn kho	140		148,150,722,530	74,420,418,351
1. Hàng tồn kho	141	V.7	148,150,722,530	74,420,418,351
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,540,872,065	2,129,100,989
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,309,953,892	306,487,048
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,946,927,092	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1,283,991,081	1,822,613,941
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66,722,972,678	53,411,663,655
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		61,495,013,701	47,895,806,175
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	48,845,903,937	34,895,466,991
Nguyên giá	222		72,734,686,151	53,279,005,367
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23,888,782,214)	(18,383,538,376)

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN

DVT: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	11,960,208,160	12,021,833,032
Nguyên giá	228		12,075,416,280	12,075,416,280
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(115,208,120)	(53,583,248)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	688,901,604	978,506,152
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	6,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	6,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,462,122,008	1,224,653,743
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	14,578,167	166,740,103
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	110,324,661	124,944,460
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	1,337,219,180	932,969,180
VI. Lợi thế thương mại	269	V.16	3,765,836,969	4,285,203,737
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	V.17	310,014,153,990	233,693,124,374
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		188,330,024,604	116,787,955,412
I. Nợ ngắn hạn	310		185,263,518,854	116,078,742,468
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	58,563,645,976	38,593,655,528
2. Phải trả người bán	312	V.18	105,334,035,526	61,063,216,927
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	14,473,116,381	6,843,237,850
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	4,404,726,575	6,036,082,144
5. Phải trả người lao động	315	V.21	950,616,281	2,298,676,226
6. Chi phí phải trả	316	V.22	368,567,614	17,500,000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	818,080,211	758,734,255
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	350,730,290	467,639,537
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
II. Nợ dài hạn	330		3,066,505,750	709,212,944
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	2,582,800,000	166,663,944
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	483,705,750	542,549,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		116,469,749,188	111,847,944,016
I. Vốn chủ sở hữu	410		116,469,749,188	111,847,944,016
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	80,558,460,000	80,558,460,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	14,330,550,600	14,330,550,600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	8,338,011,052	7,036,053,199
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	3,264,052,880	2,540,463,715
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	9,978,674,656	7,382,416,502
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	V.28	5,214,380,198	5,057,224,946
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		310,014,153,990	233,693,124,374

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN

B. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài		26.235.000	26.235.000
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		35.163.548.554	81.426.648.169
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		464,84	464,60
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

C. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,097,110,252,628	1,313,796,542,787
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	37,429,761,609	12,737,126,686
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,059,680,491,019	1,301,059,416,101
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	980,525,871,667	1,218,675,168,279
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79,154,619,352	82,384,247,822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,974,799,610	3,022,970,945
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15,524,503,769	9,838,456,438
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9,441,502,807	6,875,980,708
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	52,023,539,580	45,226,883,802
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14,493,515,006	10,826,848,068
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,087,860,607	19,515,030,459
11. Thu nhập khác	31	VI.7	23,895,440,998	11,247,721,415
12. Chi phí khác	32	VI.8	8,672,748,656	9,700,978,468
13. Lợi nhuận khác	40		15,222,692,342	1,546,742,947
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17,310,552,950	21,061,773,406
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	7,941,949,962	5,949,286,676
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	14,619,799	(49,155,641)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9,353,983,189	15,161,642,371
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(994,487,434)	608,613,008
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	V.27	10,348,470,623	14,553,029,363
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1,285	

Ghi chú: Trong năm, Công ty thay đổi cách hạch toán theo chính sách MBV, chuyển phần Doanh thu từ lợi nhuận giữ lại của hoạt động kinh doanh sang thu nhập khác.

D. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17,310,552,950	21,061,773,406
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10,V.11	6,942,858,129	6,073,894,400
- Các khoản dự phòng	03	V.6	2,044,539,281	(1,635,854,665)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(2,984,867,396)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.7,VI.8	(662,919,972)	(1,290,920,785)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9,441,502,807	6,875,980,708
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32,091,665,798	31,084,873,064
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16,147,271,100	(34,447,847,020)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(74,318,594,179)	(8,993,572,297)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		65,376,419,537	5,138,693,023
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(331,938,140)	309,073,213
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22,VI.4	(9,395,088,820)	(6,947,135,708)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(9,226,179,862)	(2,228,417,685)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		796,900,000	142,220,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,466,790,511)	(2,530,981,429)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19,673,664,923	(18,473,094,839)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,V.12	(28,407,365,234)	(16,658,551,591)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7,VII	8,695,486,364	9,967,999,611
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10,381,333,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	11,350,630,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		411,273,187	808,651,474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19,300,605,683)	(4,912,603,506)

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	6,829,940,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17,V.25	411,035,650,093	212,882,541,652
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17,V.25	(388,649,523,589)	(181,479,481,604)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(4,833,702,000)	(8,964,547,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17,552,424,504	29,268,453,048
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		17,925,483,744	5,882,754,703
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14,833,172,953	8,950,418,250
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32,758,656,697	14,833,172,953

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2011



Phạm Hồng Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Hồng Khanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và Công ty cổ phần cơ khí ô tô Cần Thơ (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh :** Dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh :** Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô; Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại; Mua bán và cho thuê ô tô, mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô; Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ.

4. Tổng số các công ty con : 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất : 01

Số lượng các công ty con không được hợp nhất : 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty : Công ty cổ phần cơ khí ô tô Cần Thơ

Địa chỉ trụ sở chính : 102 Cách mạng tháng tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Tỷ lệ lợi ích : 66,41%

Tỷ lệ quyền biểu quyết : 66,41%

6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tên công ty : Công ty TNHH một thành viên cơ khí ô tô Cần Thơ

Địa chỉ trụ sở chính : 274 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Lý do : Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty TNHH một thành viên cơ khí ô tô Cần Thơ vẫn chưa có số liệu phát sinh

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có 252 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 243 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm 2010, Công ty cổ phần cơ khí ô tô Cần Thơ quyết định phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 25 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và 500.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 85/2010/BB-HDQT và Quyết định Hội đồng quản trị số 84/QĐ - CMC ngày 13 tháng 05 năm 2010 nhưng đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty TNHH một thành viên cơ khí ô tô Cần Thơ - Công ty con của Công ty cổ phần cơ khí ô tô Cần Thơ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801164717 ngày 08 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty TNHH một thành viên cơ khí ô tô Cần Thơ vẫn chưa có số liệu phát sinh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và Công ty cổ phần cơ khí ô tô Cần Thơ (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 15

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa thể hiện khoản chi phí thực tế chi ra để sửa chữa lớn tài sản. Chi phí sửa chữa được phân bổ không quá 03 năm

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các Công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1/2 tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
 - Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty trong Tập đoàn.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2009	:	18.479 VND/USD
	31/12/2010	:	18.932 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận tại thời điểm xuất hóa đơn cho người mua khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.425.571.126	1.882.046.022
Tiền gửi ngân hàng	17.333.085.571	12.951.126.931
Các khoản tương đương tiền(*)	14.000.000.000	-
Cộng	32.758.656.697	14.833.172.953

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Công ty cổ phần Vincom	-	-	5	50.000
Đầu tư ngắn hạn khác				
- Các khoản khác(*)		-		4.000.000.000
Cộng		-		4.000.050.000

(*) Khoản ủy thác đầu tư cho Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Phúc trong năm đã thu hồi 1.000.000.000 VND. Số tiền cuối năm 3.000.000.000 VND chuyển trình bày các khoản phải thu khác.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền bán xe	43.909.403.091	80.413.462.572
Phải thu tiền sửa chữa và các dịch vụ khác	7.986.879.531	3.096.904.583
Cộng	51.896.282.622	83.510.367.155

4. Trả trước cho người bán

Khoản trả trước cho các nhà cung cấp trong nước.

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Phúc - khoản ủy thác đầu tư	3.000.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn nộp thừa	2.944.128	-
Phải thu tiền chiết khấu của Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất Ô tô Ngôi Sao	512.500.000	538.440.000
Khoản phải thu khác	310.526.549	67.207.840
Cộng	3.825.970.677	605.647.840

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	1.866.964.244	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	161.474.237	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	16.100.800	-
Cộng	2.044.539.281	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	1.760.876.042	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.025.676.551	7.765.882.494
Công cụ, dụng cụ	570.722.022	33.102.577
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.746.567.404	2.508.060.873
Hàng hóa	134.046.880.511	64.113.372.407
Cộng	148.150.722.530	74.420.418.351

Một số hàng hóa có giá trị ghi sổ là 49.497.088.834 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	166.240.132	73.269.954
Công cụ, dụng cụ	177.155.495	129.974.754
Chi phí khác	966.558.265	103.242.340
Cộng	1.309.953.892	306.487.048

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.262.096.787	1.025.861.746
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.490.938	795.348.839
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.403.356	1.403.356
Cộng	1.283.991.081	1.822.613.941

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.986.808.591	4.848.106.452	22.859.441.164	2.282.274.517	302.374.643	53.279.005.367
Mua trong năm	248.695.145	413.456.046	12.794.044.829	70.036.091	-	13.526.232.111
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.971.223.856	-	3.199.513.815	-	-	15.170.737.671
Chuyển từ hàng hóa	-	-	588.290.000	-	-	588.290.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(9.829.578.998)	-	-	(9.829.578.998)
Số cuối năm	35.206.727.592	5.261.562.498	29.023.420.810	2.352.310.608	302.374.643	72.734.686.151
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.776.901.394	975.676.055	442.373.334	242.328.042	244.746.349	3.682.025.174
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.426.859.348	2.862.402.461	3.399.546.241	1.423.185.133	271.545.193	18.383.538.376
Khấu hao trong năm	2.704.487.228	481.314.721	3.289.766.305	404.963.267	701.736	6.881.233.257
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.375.989.419)	-	-	(1.375.989.419)
Số cuối năm	13.131.346.576	3.343.717.182	5.313.323.127	1.828.148.400	272.246.929	23.888.782.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.559.949.243	1.985.703.991	19.459.894.923	859.089.384	30.829.450	34.895.466.991
Số cuối năm	22.075.381.016	1.917.845.316	23.710.097.683	524.162.208	30.127.714	48.845.903.937
Trong đó:						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 6.907.279.402 VND và 6.849.718.740 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.646.416.800	428.999.480	2.075.416.280
Số cuối năm	11.646.416.800	428.999.480	12.075.416.280
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	12.500.000	12.500.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	53.583.248	53.583.248
Tăng trong năm	-	61.624.872	61.624.872
Số cuối năm	-	115.208.120	115.208.120
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.646.416.800	375.416.232	12.021.833.032
Số cuối năm	11.646.416.800	313.791.360	11.960.208.160
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	978.506.152	13.884.665.653	(14.494.671.805)	368.500.000
XDCB dở dang	-	996.467.470	(676.065.866)	320.401.604
Cộng	978.506.152	14.881.133.123	(15.170.737.671)	688.901.604

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	120.986.962	35.640.000	(142.048.795)	14.578.167
Chi phí sửa chữa	45.753.141	-	(45.753.141)	-
Cộng	166.740.103	35.640.000	(187.801.936)	14.578.167

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	124.944.460
Số hoàn nhập trong năm	(14.619.799)
Số cuối năm	110.324.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

15. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

16. Lợi thế thương mại

	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.193.667.678	908.463.941	4.285.203.737
Tăng trong năm	-	519.366.768	
Số cuối năm	5.193.667.678	1.427.830.709	3.765.836.969

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	57.384.583.476	38.413.655.528
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)(i)	52.447.583.476	34.027.655.528
- Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (ii)	4.937.000.000	4.386.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác (iii)	368.662.500	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	810.400.000	180.000.000
Cộng	58.563.645.976	38.593.655.528

(i) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để kinh doanh mua bán xe ô tô. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa là xe ô tô.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động mua xe phục vụ kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa là xe ô tô.

(iii) Khoản vay các cá nhân là cán bộ công nhân viên của công ty để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	38.413.655.528	406.291.987.593	-	(387.321.059.645)	57.384.583.476
Vay ngắn hạn tổ chức và cá nhân	-	1.413.662.500	-	(1.045.000.000)	368.662.500
Vay dài hạn đến hạn trả	180.000.000	-	810.400.000	(180.000.000)	810.400.000
Cộng	38.593.655.528	407.705.650.093	810.400.000	(388.546.059.645)	58.563.645.976

18. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	102.636.914.981	60.437.751.346
Các nhà cung cấp khác	2.697.120.545	625.465.581
Cộng	105.334.035.526	61.063.216.927

19. Người mua trả tiền trước

Khách hàng ứng tiền mua xe.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	272.612.776	2.662.818.574	(2.935.431.350)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.524.859.771	7.941.949.962	(9.226.179.862)	4.240.629.871
Thuế thu nhập cá nhân	238.609.597	2.504.463.943	(2.578.976.836)	164.096.704
Tiền thuê đất	-	1.025.029.404	(1.025.029.404)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	6.036.082.144	14.140.261.883	(15.771.617.452)	4.404.726.575

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.310.552.950	21.061.773.406

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Lỗ trong năm của công ty con	(2.372.883.725)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	15.158.450.900	13.167.189.291
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(701.204.000)	(299.017.500)
Thu nhập chịu thuế	29.394.916.124	33.929.945.197
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.941.949.962	8.482.486.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài Chính	-	(2.544.745.890)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	-	11.546.267
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.941.949.962	5.949.286.676

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Lương còn phải trả.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí Mercedes Finance Program	302.153.627	-
Chi phí lãi vay	46.413.987	-
Các chi phí khác	20.000.000	17.500.000
Cộng	368.567.614	17.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	208.878.846	127.878.273
Bảo hiểm thất nghiệp	3.048.476	826.295
Tiền thuê kho phải trả Samco	383.000.000	383.000.000
Hàng thừa chờ xử lý	12.968.735	29.945.455
Cổ tức phải trả	86.875.200	87.069.600
Các khoản phải trả khác	123.308.954	130.014.632
Cộng	818.080.211	758.734.255

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	467.639.537
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	723.589.165
Chi quỹ	(840.498.412)
Số cuối năm	350.730.290

25. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tây Đô (i)	182.800.000	66.663.944
- Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (ii)	-	100.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (iii)	2.400.000.000	-
Cộng	2.582.800.000	166.663.944

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tây Đô để thanh toán tiền mua xe. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để thanh toán tiền mua xe. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để đầu tư thiết kế, thi công showroom và sửa chữa cải tạo văn phòng làm việc. Khoản vay này được đảm bảo bằng công trình và vật kiến trúc của showroom và văn phòng tại số 102 Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	810.400.000
Trên 01 năm đến 05 năm	2.582.800.000
Tổng nợ	3.393.200.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	166.663.944
Số tiền vay phát sinh trong năm	3.330.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(103.463.944)
Số tiền kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(810.400.000)
Số cuối năm	2.582.800.000

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	542.549.000
Số đã chi	(58.843.250)
Số cuối năm	483.705.750

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chứa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	43.312.110.000	44.746.960.600	5.564.790.708	1.830.400.018	5.079.704.998	100.533.966.324
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	6.929.940.000	(100.000.000)	-	-	-	6.829.940.000
Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu	30.316.410.000	(30.316.410.000)	-	-	-	-
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	1.471.262.491	778.827.200	(2.985.720.936)	(735.631.245)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.553.029.363	14.553.029.363
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(9.051.616.600)	(9.051.616.600)
Chi quỹ	-	-	-	(68.763.503)	-	(68.763.503)
Chi thưởng	-	-	-	-	(212.980.323)	(212.980.323)
Số dư cuối năm trước	80.558.460.000	14.330.550.600	7.036.053.199	2.540.463.715	7.382.416.502	111.847.944.016
Số dư đầu năm nay	80.558.460.000	14.330.550.600	7.036.053.199	2.540.463.715	7.382.416.502	111.847.944.016
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	1.301.957.853	723.589.165	(2.718.704.869)	(693.157.851)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.348.470.623	10.348.470.623
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(4.833.507.600)	(4.833.507.600)
Chi thưởng	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Số dư cuối năm nay	80.558.460.000	14.330.550.600	8.338.011.052	3.264.052.880	9.978.674.656	116.469.749.188

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	4.833.702.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	4.833.702.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.055.846	8.055.846
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.055.846	8.055.846
Cổ phiếu phổ thông	8.055.846	8.055.846
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.055.846	8.055.846
Cổ phiếu phổ thông	8.055.846	8.055.846
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

28. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	5.057.224.946
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(994.487.434)
Vốn góp của cổ đông thiểu số	1.685.000.000
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(502.926.000)
Phân chia trích quỹ trong năm của Công ty con	(30.431.314)
Số cuối năm	5.214.380.198

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.097.110.252.628	1.313.796.542.787
- Doanh thu kinh doanh xe	1.002.405.877.355	1.235.090.964.357
- Doanh thu sửa chữa và bán phụ tùng	91.309.845.426	76.203.277.194
- Doanh thu khác	3.394.529.847	2.502.301.236
Các khoản giảm trừ doanh thu	(37.429.761.609)	(12.737.126.686)
- Hàng bán trả lại	(37.424.886.609)	(12.737.126.686)
- Giảm giá hàng bán	(4.875.000)	-
Doanh thu thuần	1.059.680.491.019	1.301.059.416.101
Trong đó:		
- Doanh thu thuần kinh doanh xe	971.565.778.892	1.222.353.837.671
- Doanh thu thuần sửa chữa và bán phụ tùng	91.831.242.937	76.275.699.974
- Doanh thu thuần khác	3.394.529.847	2.502.301.236

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh xe	905.220.842.119	1.156.791.267.297
Giá vốn sửa chữa và bán phụ tùng	75.161.849.649	61.768.129.171
Giá vốn hoạt động khác	143.179.899	115.771.811
Cộng	980.525.871.667	1.218.675.168.279

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	529.544.474	666.527.709
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.984.867.396	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.399.090.445	1.231.561.401
Lãi bán hàng trả chậm	-	76.158.878

Thu lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	7.350.500	-
Thu nhập khoán từ đầu tư chứng khoán	-	471.560.000
Thu lãi từ cổ tức, lợi nhuận từ đầu tư	-	8.570.000
Thu lãi từ hoạt động cho vay	-	67.086.333
Doanh thu tài chính khác	53.946.795	501.506.624
Cộng	4.974.799.610	3.022.970.945

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.441.502.807	6.875.980.708
Trong đó:		
Lãi vay ngân hàng và cá nhân	7.230.823.963	2.773.510.551
Lãi mua hàng trả chậm	2.210.678.844	4.102.470.157
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.056.540.912	3.038.826.068
Chi phí môi giới bán chứng khoán	960.050	6.899.997
Lỗ do đầu tư chứng khoán	25.500.000	1.552.604.330
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	-	(1.635.854.665)
Cộng	15.524.503.769	9.838.456.438

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.173.054.600	7.485.034.563
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.223.578.279	1.503.525.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.177.073.580	4.289.952.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.963.092.216	7.574.671.764
Chi phí khác	28.486.740.905	24.373.699.703
Cộng	52.023.539.580	45.226.883.802

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.889.955.826	5.323.624.015
Chi phí công cụ, dụng cụ	256.060.592	477.959.312
Chi phí khấu hao tài sản cố định	747.945.896	625.738.909
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	519.366.768	-
Dự phòng phải thu khó đòi	2.044.539.281	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	382.815.457	385.155.645
Chi phí khác	3.652.831.186	4.014.370.187
Cộng	14.493.515.006	10.826.848.068

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.705.236.364	9.971.076.883
Thu tiền hỗ trợ, thưởng bán hàng	14.490.468.692	1.135.216.223
Thu nhập từ hỗ trợ quảng cáo	218.314.436	-
Thu nhập khác	481.421.506	141.428.309
Cộng	23.895.440.998	11.247.721.415

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	8.453.589.579	9.486.453.341
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	16.495.666
Chi phí khác	219.159.077	198.029.461
Cộng	8.672.748.656	9.700.978.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.348.470.623	14.553.029.363
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.348.470.623	14.553.029.363
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	8.055.846	7.533.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.285	1.932

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.055.846	4.331.211
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành 02 tháng 10 năm 2009	-	3.031.641
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành 02 tháng 10 năm 2009	-	170.408
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.055.846	7.533.260

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.886.381.418	53.180.076.274
Chi phí nhân công	21.825.716.336	19.894.056.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.942.858.129	6.073.894.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.565.877.126	9.806.335.241
Chi phí khác	33.554.569.689	32.075.081.805
Cộng	141.775.402.698	121.029.443.929

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền trị giá 9.750.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ban điều hành		
Nhận nợ vay ngắn hạn	350.000.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.245.564.834	1.428.884.095
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	12.508.609	7.920.901
Tiền thưởng	373.327.273	125.700.000
Phụ cấp	32.378.002	32.812.125
Cộng	2.663.778.718	1.595.317.121

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, các Công ty trong Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2011



Phạm Hồng Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Hồng Khanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý vị cổ đông!

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Công ty CP DV Ôtô Hàng Xanh (HAXACO), Tôi xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng nhất cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Năm 2010, nền kinh tế thế giới đã có những chuyển biến tích cực và từng bước phục hồi sau khủng hoảng tài chính toàn cầu, song nhìn chung chưa thực sự ổn định và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi tác động đến kinh tế Việt Nam và đặt ra nhiều thách thức đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Trước những thách thức và biến động thăng trầm đó, HAXACO không chỉ đứng vững mà còn hoàn thành tốt mục tiêu và kế hoạch đã đề ra. Trong năm 2010, HAXACO có nhiều thay đổi quan trọng trong tư duy quản lý, điều hành, cải tiến chính sách bán hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ sửa chữa, đặc biệt chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, luôn thực hiện đúng tiêu chí: “Sự hài lòng của khách hàng là thước đo của thành công” và đặc biệt đẩy mạnh hoạt động marketing, PR. Cán bộ Công nhân viên Công ty đoàn kết chung sức vượt qua mọi khó khăn trở ngại. Với tất cả những nỗ lực đó, HAXACO đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Sau hơn bốn năm tham gia thị trường chứng khoán, với tiềm năng và thực lực, HAXACO đã ngày càng khẳng định thương hiệu, có những bước phát triển quan trọng đi vào chiều sâu, số lượng cổ đông ngày càng gia tăng. Có nhiều cổ đông tâm huyết, trung thành trong suốt nhiều năm liền với những đóng góp chân tình quý báu cho sự phát triển của HAXACO.

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Công ty, Tôi vui mừng được báo cáo đến Quý vị là HAXACO về cơ bản đã hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2010 mà Đại hội đồng cổ đông lần XI đã đề ra trong phiên họp thường niên ngày 23/04/2010.

Sau đây là một số chỉ tiêu tài chính đã thực hiện trong năm qua:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng		
STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2010
1	Số lượng xe dịch vụ	10.469
2	Số lượng xe bán	747
3	Doanh thu thuần	1.004.481
4	Lợi nhuận trước thuế	19.839
5	Lợi nhuận sau thuế	11.882

- Giá trị sổ sách (tổng tài sản) tại thời điểm 31/12/2010 là 296.375.703.686 đồng.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2009
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	78,88	74,78
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	21,12	25,22
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	59,99	49,27
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	40,01	50,73
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,18	2,03
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,32	1,63
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,57	1,01
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	2,69	1,71
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,83	1,24
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4,87	9,14
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,31	6,63
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	8,29	13,12

II. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2010

1. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị năm 2010.

Trong năm 2010, HĐQT của HAXACO đã tiến hành các phiên họp sau:		
Phiên họp	Số thành viên	Nội dung
Phiên 1 06/ 01/ 2010	4/5	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kết quả sơ bộ hoạt động năm 2009 (số liệu tạm tính do chưa có báo cáo kiểm toán) - Tạm thống nhất các chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động năm 2010. - Thống nhất chi lương tháng 13 cho CB NV CN công ty. - Thống nhất đầu tư khoảng 500 triệu đồng cho việc lập Dự án tiền khả thi Cao ốc VP 10 ĐBP. - Thống nhất đồng ý mức đề nghị chi cổ tức năm 2009 cho các cổ đông CAMECO là từ 10 – 12% bằng tiền mặt. Đồng ý cho HAXACO đầu tư khoảng 5,7 tỷ đồng vào CAMECO thông qua KH phát hành thêm CP tăng VDL của CAMECO.
Phiên 2 26/ 01/ 2010	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Chi thưởng hoàn thành vượt mức Kế hoạch Lợi nhuận năm 2009 cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
Phiên 3 24/ 02/ 2010	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất Phương án dịch hẻm theo đề xuất của HAXACO trong Dự án Cao ốc 10 ĐBP.
Phiên 4 11/ 03/ 2010	4/5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên lần thứ XI vào ngày 23/04/2010. - Thống nhất sơ bộ một số nội dung trong Tài liệu họp ĐHĐCĐ lần XI: thông qua Báo cáo Kiểm toán; Thống nhất đề nghị mức chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 là 6% bằng tiền mặt; Thống nhất đề nghị mức chi trả cổ tức năm 2009 là 14% bằng tiền mặt; - Đồng ý cho HAXACO tuyển dụng chức danh Giám Đốc bán hàng; Điều chỉnh mô hình quản lý, xây dựng chính sách lương, cơ cấu lương Công ty cho phù hợp.
Phiên 5 15/ 04/ 2010	4/5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất ủy quyền cho Tổng Giám Đốc HAXACO tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần X của CAMECO.
Phiên 6 26/ 04/ 2010	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần thứ XI về việc chi trả cổ tức năm 2009: gửi Thông báo chốt Danh sách cổ đông đến TTLKCK và Sở GDCK; ngày chốt DS dự kiến là 13/05/2010, thời gian chi trả dự kiến từ ngày 28/05/2010.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị năm 2010.

Trong năm 2010, HĐQT của HAXACO đã tiến hành các phiên họp sau:		
Phiên họp	Số thành viên	Nội dung
Phiên 7 25/ 05/ 2010	4/5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất Cơ cấu nhân sự, Cơ cấu lương và thưởng khi hoàn thành Kế hoạch. - Chấp thuận cho HAXACO triển khai việc phát hành kỳ phiếu nội bộ để huy động vốn kinh doanh. - Đồng ý cho HAXACO thuê Khu đất 2.200m² tại mặt tiền Đại lộ Đông Tây để mở thêm Workshop mới. - Thống nhất chấm dứt và thanh lý HĐ uỷ thác đầu tư CK với Công ty An Phúc vào tháng 12/2010. - Đồng ý để HAXACO ký kết các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng hạn mức là 70 tỷ đồng.
Phiên 8 25/ 06/ 2010	4/5	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận cho HAXACO thuê Khu đất 2.200m² tại mặt tiền Đại lộ Đông Tây để mở thêm Workshop mới. - Đồng ý để Phước Thành là chủ đầu tư xây dựng công trình. HAXACO đặt cọc 50% giá trị XD CB công trình và chuyển cho Phước Thành theo tiến độ thanh toán với Đơn vị thi công công trình. Số tiền đặt cọc này Phước Thành chuyển trả lại cho HAXACO với hình thức trừ dần hàng tháng trong vòng 15 năm. - Hai bên cùng nhau tổ chức đấu thầu chọn Đơn vị thi công công trình theo đúng thiết kế tiêu chuẩn và chất lượng của MBV. - Chấp thuận cho Phước Thành trở thành cổ đông chiến lược của HAXACO trong đợt phát hành tăng vốn tiếp theo với tỷ lệ góp vốn không quá 10% VDL. - Thống nhất uỷ quyền cho Ông Nguyễn Văn Đức – Uỷ viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc được thay mặt HĐQT ký kết Hợp đồng với Công ty Phước Thành.
Phiên 9 28/ 06/ 2010	4/5	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý để HAXACO ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Miền Tây CN TP HCM hạn mức là 30 tỷ đồng.
Phiên 10 06/ 09/ 2010	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý để HAXACO ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC hạn mức là 95 tỷ đồng.
Phiên 11 24/ 12/ 2010	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất yêu cầu Ban Điều hành lập Phương án tính toán lại cụ thể nhu cầu vốn của HAXACO bao gồm các KH đầu tư Workshop & Showroom mới ở Đại lộ Đông Tây, KH triển khai kinh doanh xe cũ, việc mở thêm 01 Showroom&Workshop mới ở Nha Trang, tính toán lại nhu cầu vốn cần thiết cho việc lập Dự án tiền khả thi Cao ốc VP số 10 ĐBP, việc bổ sung vốn lưu động cho HAXACO&CAMECO. - Nhất trí đề nghị mức cổ tức năm 2010 là 15% và chi bằng cổ phiếu.

2. Các Quyết định của Hội Đồng Quản Trị năm 2010.

Ngày 26/01/2010	: Chi lương thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2009 cho HĐQT&BKS.
Ngày 30/01/2010	: Chi khen thưởng cá nhân xuất sắc.
Ngày 28/04/2010	: Thống nhất triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên lần thứ XI về việc chi trả cổ tức năm 2009.
Ngày 25/05/2010	: Điều chỉnh mức lương của Tổng Giám Đốc.
Ngày 25/05/2010	: Điều chỉnh Cơ cấu nhân sự, Cơ cấu lương và thưởng khi hoàn thành Kế hoạch của HAXACO.
Ngày 31/12/2010	: Tạm trích các quỹ năm 2010

3. Đánh giá việc thực hiện trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị đã thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc, chuyên nghiệp các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược về nhân sự nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và cho các cổ đông.

Nhìn tổng quan kết quả kinh doanh đạt được trong năm, Hội đồng Quản trị đã xây dựng chiến lược kinh doanh hợp lý và hiệu quả, đã tiến hành các điều chỉnh và thay đổi kịp thời đối với Công ty trên tất cả các lĩnh vực, xây dựng được Cơ cấu nhân sự, Cơ cấu lương hợp lý, thúc đẩy mọi mặt hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị tập trung quản lý bằng bộ máy điều hành tốt nhất nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc và Ban Điều hành; xây dựng niềm tin cho cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan. Để thực hiện điều này, các chính sách của Công ty luôn đảm bảo các điểm cơ bản sau:

1. Cổ đông và các bên liên quan được đối xử công bằng và tốt đẹp như nhau.
2. Hội đồng Quản trị cam kết làm gia tăng thêm giá trị cho các lĩnh vực hoạt động của Công ty trong dài hạn bằng việc quản trị một cách thận trọng, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất, đạt được lợi ích tối đa cho cổ đông và ngăn chặn bất kỳ sự xung đột lợi ích nào, cũng như chịu trách nhiệm cho bất kỳ quyết định nào hay thỏa thuận nào do Công ty thực hiện.
3. Tất cả các hoạt động được triển khai một cách minh bạch và công khai cho việc giám sát, với sự cung cấp thông tin tương xứng cho các bên có liên quan.
4. Các hoạt động kinh doanh luôn tính đến các rủi ro với mức quản lý và được kiểm soát rủi ro hạn chế với mức thấp nhất. Công ty nhận thức được quyền của cổ đông trong việc nhận thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ và bình đẳng để đi đến việc ra quyết định tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty tạo cơ hội cho cổ đông có quyền như nhau trong việc giám sát các hoạt động công ty, thực hiện các yêu cầu và đưa ra các đề xuất cũng như các góp ý nhằm cho công ty ngày càng hoàn thiện hơn nữa.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nhờ đó, mặc dù trong thời gian qua môi trường kinh doanh tồn tại rất nhiều cạnh tranh và nguồn lực Công ty có hạn nhưng HAXACO đã biết đặt những ưu tiên mang tính thiết yếu lên hàng đầu để làm nền tảng tạo dựng sự phát triển bền vững và từng bước nâng cao tầm vóc và thương hiệu HAXACO trên thương trường. Đây cũng là một trong những sách lược hết sức quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của HAXACO trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Điều 25 Chương VII Điều lệ Công ty về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.

Căn cứ Điều 31 Chương VIII Điều lệ Công ty về nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác giám sát Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Tổ chức, điều hành và thực hiện kế hoạch hoạt động Kinh doanh – Dịch vụ do Đại hội đồng cổ đông lần XI phê duyệt.
- Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- Việc tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng ngày của Công ty.

Hội đồng Quản trị trân trọng báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông kết quả giám sát Tổng Giám đốc trong năm 2010 như sau:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Kết quả kinh doanh năm 2010 đã vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông lần XI giao cho trong phiên họp thường niên ngày 23/04/2010, cụ thể như sau:

DVT: triệu đồng		
STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2010
1	Số lượng xe dịch vụ	10.469
2	Số lượng xe bán	747
3	Doanh thu thuần	1.004.481
4	Lợi nhuận trước thuế	19.839
5	Lợi nhuận sau thuế	11.882

2. Tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Trong năm 2010, Tổng Giám Đốc đã thực hiện tốt các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT:

Dự đoán đúng thị trường, cân đối lượng xe nhập kho, giảm lượng xe tồn kho một cách đáng kể, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, tăng thị phần kinh doanh ô tô trong MBV.

Đảm bảo tỷ lệ cổ tức năm 2010 là 15% trên Vốn Điều lệ;

Hoạt động Marketing với việc liên tục tổ chức các Event hướng tới khách hàng thực sự đã mang lại hiệu quả nhất định, đồng thời gia tăng sự nhận biết về thương hiệu HAXACO trên thị trường ô tô không chỉ về dòng xe Mercedes-Benz mà còn là các dòng xe cao cấp khác.

Haxaco nằm trong top “500 Doanh nghiệp lớn nhất VN”. Giải thưởng được bình chọn bởi báo Vietnamnet.

Ngoài ra HAXACO còn đạt giải thưởng “Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển 2010”. Giải thưởng được bình chọn bởi Bộ Công thương, Ủy ban Quốc gia hợp tác kinh tế quốc tế, Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch.

Hoàn tất cùng lúc 02 Dự án lớn tại Cần Thơ: Autohaus Haxaco Cần Thơ (15/10/2010) và Show-room Mitsubishi (03/12/2010).

Thành lập Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ (tên viết tắt là CAMECO) tại số 274 Đường 30/4 P.Hung Lợi, Q.Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ sẽ thực hiện nhiệm vụ ký kết các hợp đồng và mọi hoạt động liên quan tới kinh doanh xe MITSUBISHI.

Đã ký kết Hợp đồng thuê mặt bằng chuẩn bị cho Dự án mở thêm Workshop mới ở Đại lộ Đông Tây nhằm mở rộng phát triển ra hướng cửa ngõ phía Tây TP HCM và từng bước thực hiện Dự án Cao ốc số 10 Điện Biên Phủ.

Là cổ đông chi phối với tỷ lệ CP nắm giữ là 66,5% tại Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ (CAMECO).

3. Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng ngày.

Năm 2010, tất cả các hoạt động Kinh doanh – Dịch vụ của Công ty đều nằm trong phạm vi được cho phép theo Giấy đăng ký kinh doanh, cũng như theo các quy định và luật pháp hiện hành tại Việt Nam. Các hoạt động kinh doanh hàng ngày đều thể hiện rõ:

• Trách nhiệm với quyền lợi người lao động

Công ty soạn thảo và ban hành các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của CBCNV đối với Công ty; triển khai các khóa huấn luyện, đào tạo định hướng; truyền đạt qua các phương tiện thông tin như mạng nội bộ, trang web, bản tin, họp nhóm ở các phòng ban; hướng dẫn CBCNV thực

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

hiện nghiêm túc các chính sách của Công ty; chú trọng rèn luyện CBCNV tinh trung thực, tinh thần trách nhiệm, thái độ làm việc chuyên nghiệp.

Công ty có chính sách thưởng phạt thỏa đáng, công bằng và phân minh để khuyến khích sự nỗ lực và gắn bó của CBCNV đối với Công ty cũng như xây dựng một môi trường làm việc trong sạch và lành mạnh.

Với mục tiêu đào tạo đội ngũ CBCNV lành nghề, giỏi quản lý. Hằng năm Công ty dành trích ra một khoản kinh phí khá lớn cho công tác đào tạo, hỗ trợ cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ, ngoại ngữ trong nước và tham quan học hỏi ở nước ngoài.

Quan niệm người lao động vừa là đối tượng phục vụ vừa là động lực cho sự phát triển, trong nhiều năm qua những chính sách đúng đắn của HAXACO đã giữ được và ngày càng thu hút thêm nhiều nhân sự có năng lực.

Hệ thống quản lý toàn diện càng ngày càng hoàn thiện hơn giúp cho những nhân viên mới nhanh chóng hòa nhập vào công ty.

• Trách nhiệm với xã hội

Với quan niệm rằng việc cải thiện điều kiện làm việc cho CBCNV là một phần tất yếu trong tất cả các hoạt động, Ban Lãnh đạo HAXACO luôn luôn quan tâm đến môi trường làm việc của người lao động, nhằm đóng góp một phần vào việc xây dựng phát triển xã hội bền vững.

Chính sách này bao gồm những cam kết sau đây:

- Tuân thủ Pháp luật Lao động Việt Nam về lao động và các qui định của Pháp luật khác đang áp dụng.
- Thường xuyên cải tiến điều kiện làm việc cho CBCNV và bảo vệ môi trường cho cộng đồng ngày càng tốt hơn.
- Duy trì hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

• Chính sách đối với khách hàng và các đối tác kinh doanh

HAXACO luôn cố gắng thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng với quan điểm bảo đảm sự hài hòa về lợi ích của các bên.

Đối với đối tác kinh doanh, HAXACO cũng xác định rằng chỉ có sự hợp tác đầy thiện chí mới có thể mang lại kết quả tốt đẹp và giúp cho tất cả các bên cùng nhau phát triển và tiến bộ.

Sự phát triển và tiến bộ của từng doanh nghiệp là nền tảng cho sự phát triển chung của toàn xã hội. Đóng góp cho sự phát triển này được xác định là một sứ mệnh quan trọng của HAXACO. Cạnh tranh lành mạnh là cách nghĩ, cách làm xuyên suốt của Lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong Công ty.

IV. CÁC KẾ HOẠCH DỰ KIẾN

- ◆ Xây dựng Showroom&Workshop mới trong TP.HCM.
- ◆ Triển khai kinh doanh xe cũ.
- ◆ Dự án tiên khả thi Cao ốc Văn phòng tại số 10 Điện Biên Phủ.
- ◆ Mở thêm Showroom tại Nha Trang.

KẾ HOẠCH KINH DOANH DỊCH VỤ GIAI ĐOẠN 2011 - 2013			ĐVT: triệu đồng		
STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Kế hoạch 2012	Kế hoạch 2013
1	Số lượng xe bán	747	800	840	882
2	Số lượng xe cung cấp dịch vụ	10.469	12.500	13.125	13.781
3	Doanh thu thuần	1.004	950	998	1.048
4	Lợi nhuận trước thuế	19.839	20.000	22.000	24.200
5	Lợi nhuận sau thuế	11.882	14.000	15.400	16.940
6	Vốn điều lệ	80.558	80.558	114.800	114.800
7	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	14,75%	17,38%	13,41%	14,76%

V. KẾT LUẬN

Kính thưa Đại hội, Tôi đã báo cáo và trình bày đến Quý vị về Kết quả Kinh doanh Dịch vụ năm 2010, Chiến lược phát triển giai đoạn 2011 – 2013 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.

Trong năm 2011, Hội đồng Quản trị cùng Ban Tổng Giám Đốc điều hành cam kết trước các nhà đầu tư sẽ nỗ lực nhiều hơn nữa để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Chúng tôi cũng tin tưởng rằng HAXACO sẽ từng bước khẳng định uy tín của mình và tạo niềm tin cho công chúng đầu tư. HAXACO sẽ ngày càng phát triển và nâng cao năng lực hoạt động, đem lại lợi ích thiết thực cho cổ đông của Công ty và góp phần xã hội hóa hoạt động của thị trường chứng khoán.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Xin chân thành Cảm ơn, kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe và thành đạt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN TIẾN DŨNG

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát được quy định theo Luật Doanh nghiệp.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát quy định tại Điều lệ Công ty.

Năm 2010, kinh tế Việt Nam tiếp tục có sự phục hồi sau tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tuy vậy tình hình kinh tế trong nước vẫn có nhiều diễn biến phức tạp. Sự biến động về lãi suất, tỷ giá và tình trạng lạm phát tăng cao đặc biệt vào những tháng cuối năm đã ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của ngành ô tô nói riêng, trong đó có HAXACO. Đứng trước cơ hội kinh doanh và những rủi ro tiềm ẩn xuất phát từ bất ổn của kinh tế vĩ mô, HAXACO đã phát triển ổn định, và chấp hành tốt các quy định của ngành và pháp luật.

Từ đầu năm 2010, trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế vĩ mô, Ban Kiểm soát đã đề ra các chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng công tác giám sát và phối hợp với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành để đạt được mục tiêu đề ra.

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010.

1. Cơ cấu tổ chức:

Thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

- Ông Văn Ngọc Trường Sơn
- Ông Nguyễn Văn Minh
- Bà Trần Thị Ngọc Phương

Ông Văn Ngọc Trường Sơn giữ chức vụ Trưởng ban.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- 2.1 Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban Tổng Giám đốc (TGD) trong công tác quản lý; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
- 2.2 Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- 2.3 Tham gia các buổi họp của Hội đồng Quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HDQT, Ban Tổng Giám đốc.
- 2.4 Xem xét các báo cáo định kỳ báo cáo tài chính.
- 2.5 Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.
- 2.6 Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm. Qua thực tế kiểm tra, Ban Kiểm soát về cơ bản thống nhất với báo cáo đánh giá tình hình hoạt động SXKD của HDQT, báo cáo tài chính của Ban giám đốc đưa ra và Báo cáo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn (A & C).

III. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HDQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Các cuộc họp của HDQT, Ban Tổng Giám đốc về chiến lược phát triển Công ty, về tình hình hoạt động SXKD của đơn vị. Sự phối hợp làm việc nghiêm túc, chặt chẽ giữa HDQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát nhằm mục đích chung là phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD, thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Pháp luật hiện hành.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2010 BKS được cung cấp tương đối đầy đủ các thông tin về các báo cáo tài chính, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên một số cuộc họp của HĐQT không được thông báo nên BKS không thể tham dự.

Trong năm 2010 sự liên lạc, trao đổi hoạt động phối hợp giữa BKS với các cổ đông vẫn chưa có gì đáng kể. Trong năm đã xem xét một trường hợp tố cáo và đã có trao đổi kiến nghị với ban điều hành trong công tác quản lý.

Hiệu quả hoạt động của Công ty đạt được trong năm 2010 có chiều giảm sút, chưa hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận do Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 đề ra. Mặt khác một số chi phí của Công ty chưa hiệu quả. Đặc biệt là chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng cao hơn so với năm 2009. Ban điều hành cần phải hoàn thiện hơn trong khâu tổ chức bán hàng và các khoản chi phí phát sinh trong bán hàng. Bên cạnh đó Ban điều hành cũng cần lưu ý trong việc kiểm soát chi phí quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2011 CỦA BAN KIỂM SOÁT.

1. Tham gia tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2011.
2. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý và năm trước khi phê duyệt.
3. Xem xét báo cáo của Công ty kiểm toán, thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty.
4. Xem xét công tác kế hoạch, thực hiện kế hoạch, báo cáo tài chính, tình hình SXKD của Công ty và làm việc với HĐQT, Ban giám đốc cùng các cán bộ quản lý.
5. Kiểm tra định kỳ hàng quý và đột xuất liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Ban giám đốc.
6. Thu nhận các thông tin, trao đổi, giao tiếp với cổ đông và xử lý các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông.

V. KIẾN NGHỊ

1. Về công tác nhân sự: đề nghị HĐQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành có kế hoạch dài hạn về xây dựng phát triển đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực, đặc biệt là xây dựng chế độ tiền lương cho phù hợp.
2. Về công tác xây dựng kế hoạch: Kế hoạch xây dựng trong năm 2011 tương đối thấp, hiệu quả sử dụng vốn chưa cao. Cần có biện pháp thực hiện cụ thể trong năm 2011 cao hơn nữa nhằm đem lại hiệu quả cho công ty cũng như cổ đông.
3. Về công tác kế toán: Phòng Kế toán cần cập nhật chính sách kịp thời để tính đúng, tính đủ và hạch toán đúng theo quy định của Nhà nước. Đồng thời cần xây dựng bộ phận tài chính để hỗ trợ cho việc phát triển của Công ty. Đặc biệt trong việc sử dụng vốn được hiệu quả.
4. Ban lãnh đạo Công ty cần ban hành một số quy chế để hoàn thiện hơn công tác quản lý, đặc biệt các quy định về bán hàng và chi phí bán hàng.
5. Cần tính toán kỹ các dự án đầu tư mới nhằm nâng cao hiệu quả trong đầu tư.
6. Công ty cần gửi các báo cáo cho Ban Kiểm soát kịp thời, đặc biệt là các báo cáo tài chính hàng tháng của công ty con và báo cáo hợp nhất của Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



VĂN NGỌC TRƯỜNG SƠN

BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2010		ĐVT: đồng
STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế	19.838.956.954
2	Chi phí thuế TNDN	7.956.569.761
3	Lợi nhuận sau thuế	11.882.387.193
4	Trích lập các quỹ	2.603.915.707
5	Lợi nhuận còn lại	9.278.471.486

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỀ NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG PHÊ CHUẨN



Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thống nhất ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị triển khai các công việc liên quan đến việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CHI TRẢ THÙ LAO CÔNG VỤ

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội Đồng cổ đông tổng số thù lao công vụ năm 2010 đã chi trả cho HĐQT, BKS là 304,8 triệu đồng và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức thù lao công vụ năm 2011 là 305 triệu đồng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2011

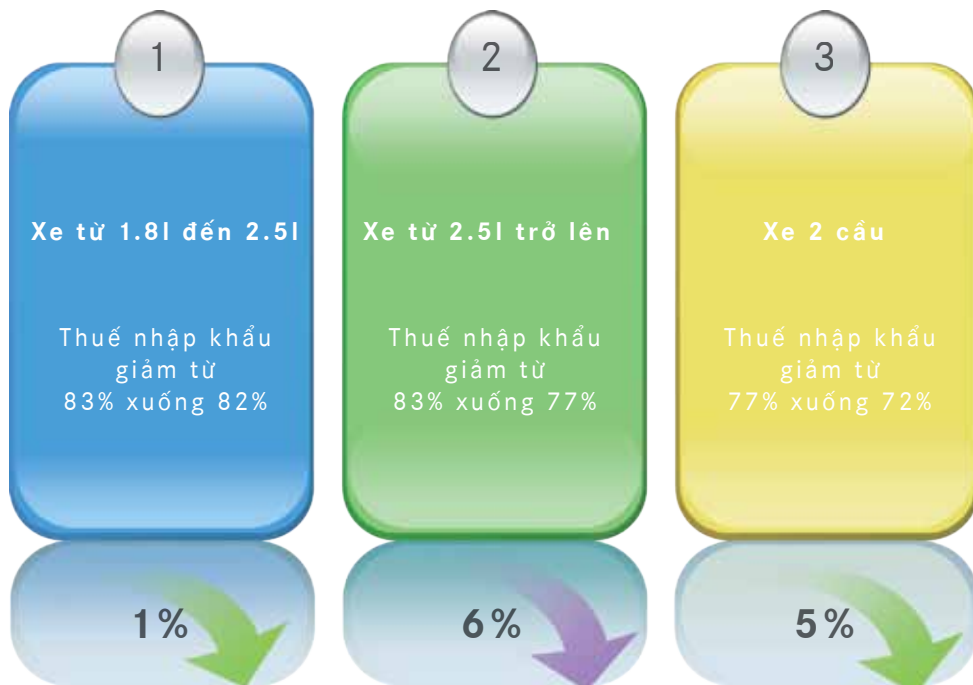
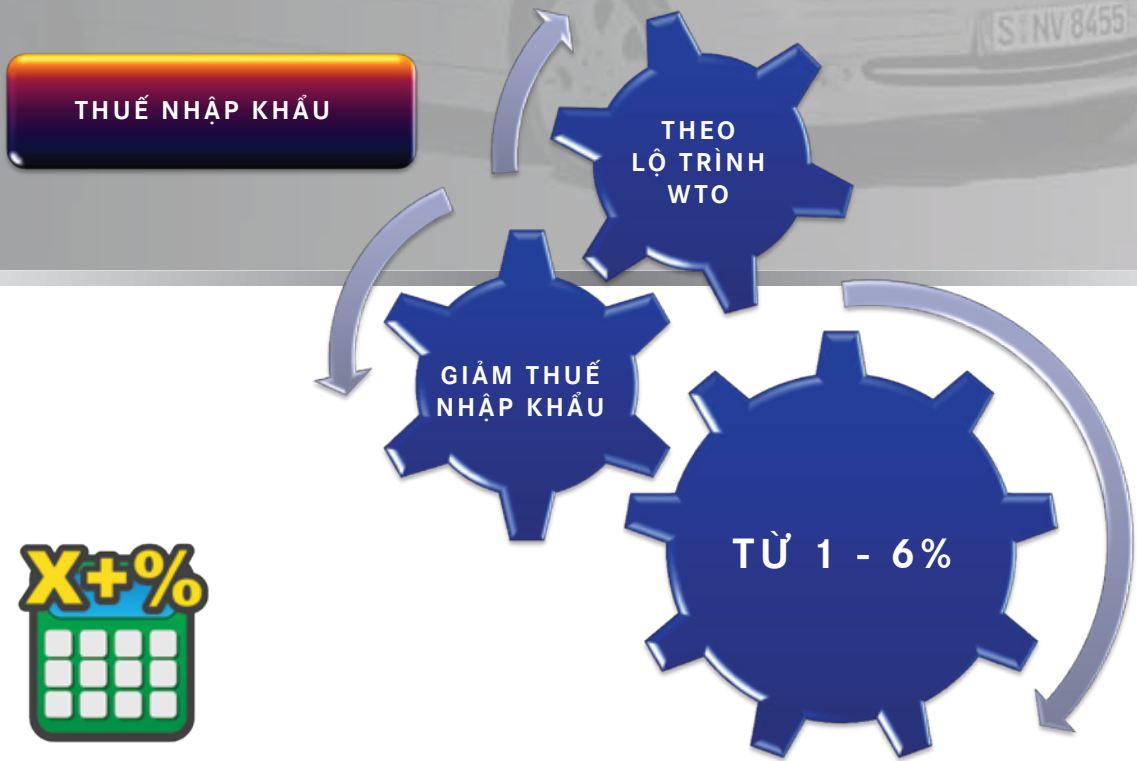
ĐẶC ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2011





ĐẶC ĐIỂM THỊ TRƯỜNG



DOANH SỐ BÁN HÀNG SẼ ĐƯỢC HƯỞNG LỢI TỪ VIỆC THUẾ NHẬP KHẨU GIẢM

Biểu thuế nhập khẩu đối với dòng xe dưới 9 chỗ ngồi năm 2011 thoạt nhìn có vẻ giảm không đáng kể so với thuế suất đang áp dụng, tuy nhiên, nếu tính tổng các loại thuế gồm cả tiêu thụ đặc biệt và VAT thì mức giảm này là khá lớn.

Trong đó, mức giảm cao nhất 6% áp dụng đối với các loại xe có dung tích xi lanh từ 2,5 lít trở lên.

Đây là dòng xe được coi là có số lượng nhập khẩu khá lớn tại Việt Nam.

LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

Đối với ô tô chở người dưới 9 chỗ ngồi (kể cả lái xe), Bộ Tài chính cho rằng cần phải điều chỉnh lại mức phí nhằm định hướng tiêu dùng, hạn chế sự gia tăng quá mức của xe cá nhân và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Do đó, cơ quan này đề nghị tăng phí trước bạ cao nhất đối với ô tô lên mức 20% thay cho mức 15% đang áp dụng đối với Hà Nội và TP.HCM. Như vậy, khung phí trước bạ mới áp dụng cho năm 2011 dự kiến sẽ là 10 -20%, thay cho 10 -15% hiện hành.

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ		
MODEL	Giá bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng	
	C200 CGI 	1.273.000.000 VNĐ <i>(tương đương 60.900 USD)</i>
	C250 CGI 	1.377.000.000 VNĐ <i>(tương đương 65.900 USD)</i>
	C300 AMG	1.597.000.000 VNĐ <i>(tương đương 76.400 USD)</i>
	E250 CGI 	1.879.000.000 VNĐ <i>(tương đương 89.900 USD)</i>

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ		
MODEL	Giá bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng	
	E300	2.487.000.000 VNĐ (tương đương 119.000 USD)
	CLS300	3.219.000.000 VNĐ (tương đương 154.000 USD)
	E350 Coupé	3.114.000.000 VNĐ (tương đương 149.000 USD)
	GLK 4MATIC	1.565.000.000 VNĐ (tương đương 74.900 USD)
	R300L	3.114.000.000 VNĐ (tương đương 149.000 USD)
	SLK 200K	2.088.000.000 VNĐ (tương đương 99.900 USD)
	S300 Long	4.264.000.000 VNĐ (tương đương 204.000 USD)
	S500 Long	5.204.000.000 VNĐ (tương đương 249.000 USD)

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ		
MODEL	Giá bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng	
	S400 Hybrid	5.162.000.000 VNĐ (tương đương 247.000 USD)
	GL450 4MATIC	4.368.000.000 VNĐ (tương đương 209.000 USD)
	Spinter Panel Van	673.000.000 VNĐ (tương đương 32.190 USD)
	Spinter Business 311	909.000.000 VNĐ (tương đương 43.490 USD)
	Spinter ESP 313 mới	961.000.000 VNĐ (tương đương 45.990 USD)



SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ



RỦI RO VỀ KINH TẾ

Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ, tuy nhiên Việt Nam vẫn nằm trong nhóm những nước đang phát triển. Ngành công nghiệp Ô tô của Việt Nam còn chậm phát triển, đặc biệt là công nghiệp phụ trợ, phải phụ thuộc nhiều linh kiện nhập khẩu, bên cạnh đó thị trường ô tô nhỏ bé do đó rất khó cho các nhà sản xuất có thể giảm chi phí nên giá xe Ô tô ở Việt Nam khá cao.

Cơ sở hạ tầng ở Việt Nam còn rất yếu, đường giao thông nhỏ hẹp, chưa có quy hoạch cho xe ô tô. Những dịch vụ phục vụ cho xe ô tô như chỗ gửi xe, để xe chưa có nhiều và không thuận tiện cho người sử dụng xe ô tô.

Ngoài ra, điều kiện nền kinh tế có nhiều tác động bởi các yếu tố khách quan và chủ quan khác như chính sách chống lạm phát, tái cấu trúc nền kinh tế và điều tiết vĩ mô của chính phủ, bên cạnh đó áp lực tăng giá của thị trường về tiêu dùng và đặc biệt sự biến động của nền kinh tế thế giới sẽ ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng.

RỦI RO KINH DOANH

Haxaco là nhà phân phối chính thức của Mercedes-Benz, vì vậy, Haxaco luôn bị áp lực lấy hàng tồn kho mỗi tháng đồng thời bị động trong việc cung cấp xe cho khách hàng.

Do sự cạnh tranh gay gắt và không lành mạnh giữa các nhà phân phối của Mercedes-Benz, tình trạng bán phá giá xe đang diễn ra sẽ gây nhiều khó khăn cho Haxaco khi muốn đảm bảo kế hoạch lợi nhuận của mình.

Sự cạnh tranh giữa các thương hiệu xe càng trở nên gay gắt, nguy cơ mất thị phần càng cao, đặc biệt khi các chương trình dịch vụ và khuyến mãi đi kèm của các nhãn hiệu xe đều tương đương nhau, bên cạnh đó khi phí đường bộ chính thức áp dụng với mức từ 180.000đ – 1.400.000đ/ tháng và thuế nhập khẩu xe ô tô tăng thì giá bán vẫn là điều quan trọng nhất.

Chất lượng dịch vụ, sản phẩm và hoạt động chăm sóc khách hàng là yếu tố tác động mạnh mẽ đến uy tín cũng như doanh thu của Công ty.

Xưởng Dịch vụ đã cũ và nhỏ nên thường xuyên quá tải => hạn chế trong vấn đề sửa chữa và tăng thị phần.

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO KỸ THUẬT

Kiểu dáng, màu sắc cũng như kỹ thuật đều do chính hãng từ nước ngoài đưa ra. Đây chính là yếu tố rủi ro đối với Haxaco khi các sản phẩm do nhà sản xuất đưa ra không phù hợp với thị hiếu và như cầu của thị trường tiêu thụ tại Việt Nam.

Công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại bên cạnh yếu tố chất lượng và an toàn phải được ưu tiên hàng đầu => tác động đến giá trị thương hiệu Mercedes - Benz nói chung cũng như Haxaco nói riêng.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Bầu khí quyển Trái Đất đang ấm dần lên, môi trường đang trong tình trạng ô nhiễm trầm trọng. Do đó, tiêu chuẩn xanh là vấn đề quan tâm hàng đầu, đòi hỏi ngành công nghiệp ô tô phải có những sản phẩm cải tiến thay thế, đáp ứng yêu cầu về khí thải môi trường.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ, TIỀN TỆ

Khi tỷ giá của đồng ngoại tệ so với đồng Việt Nam thay đổi, bên cạnh chính sách tiền tệ nhiều biến động, giá xe ô tô sẽ thay đổi theo. Do đó, sẽ ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Là Công ty Cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động của Công ty Cổ phần dịch vụ Ô tô Hàng Xanh chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Công ty Cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp và sẽ ảnh hưởng đến Cổ phiếu của Công ty.

RỦI RO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Nguồn vốn hoạt động thấp, do đó Haxaco luôn bị hạn chế về kinh phí đầu tư và hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu, bên cạnh đó sự phối hợp chặt chẽ và chia sẻ thông tin giữa các phòng ban chưa tốt, chưa có sự linh hoạt và chủ động... Điều này ảnh hưởng đến sự phát triển lớn mạnh của Công ty cũng như giá trị cổ phiếu trên thị trường.

Phát triển và đào tạo nhân lực, song song với các chính sách, chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài tốt, hợp lý sẽ vừa tránh được tình trạng chảy máu chất xám vừa giảm được chi phí đào tạo ban đầu cho Công ty.



KẾ HOẠCH THU CHI TÀI CHÍNH				DVT: triệu đồng
STT	Chỉ tiêu	Kinh doanh	Dịch vụ	Cộng
1	Số lượng xe dịch vụ		12.500	12.500
2	Số lượng xe bán	800		800
	Xe PC	450		450
	Xe CV	250		250
	Xe cũ	100		100
3	Doanh thu thuần	862.800	87.200	950.000
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	9.000	11.000	20.000
5	Lợi nhuận sau thuế	6.300	7.700	14.000

Dự kiến lợi nhuận sau thuế của Workshop mỗi vào khoảng 1 tỷ đồng

KẾ HOẠCH 2011

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		ĐVT: triệu đồng
STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	20.000
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	14.000
3	Thù lao công vụ HĐQT & BKS	305
4	Lợi nhuận còn lại	13.695
5	Tỷ suất LN còn lại trên VDL (%)	17,00

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG		ĐVT: triệu đồng	
STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Ghi chú
1	Tổng số CBNV - CN (bình quân)	172	
2	Tổng quỹ lương	18.000	
3	Bình quân lương/ người/ năm	104,65	
4	Bình quân lương/ người/ tháng	8,72	

Đơn giá tiền lương: 1đ lợi nhuận trước thuế tương ứng với 0.90đ tiền lương.

Tổng quỹ lương sẽ được phân phối cho các BP theo hiệu quả công việc.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ		ĐVT: triệu đồng	
STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Ghi chú
1	Trang bị cho Workshop Đại Lộ Đông Tây	7.000	
2	Nâng cấp server, internet, công nghệ thông tin	300	
3	Nâng cấp, bảo dưỡng Tòa nhà, Văn phòng	1.000	
4	Trang thiết bị văn phòng	400	
5	Trang thiết bị phụ tùng, nhà xưởng	500	
	Cộng	9.200	

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Tiếp tục chú trọng công tác đào tạo và tái đào tạo về mọi mặt: tay nghề, văn hóa, nâng cao và bồi dưỡng nghiệp vụ.

Thường xuyên tổ chức hoặc liên kết với Mercedes-Benz Vietnam, SAMCO, các tổ chức giáo dục bên ngoài thực hiện các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và khả năng quản lý chuyên môn cho CBNV-CN Công ty nhằm nâng cao chất lượng nhân sự.

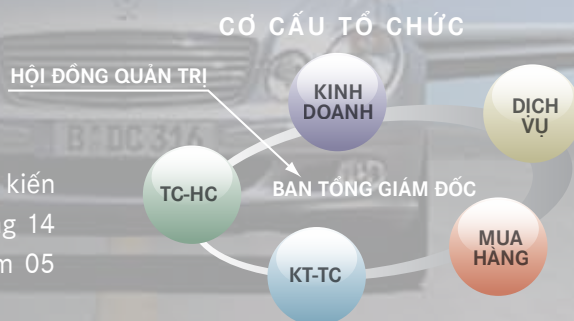
Trong năm 2011, dự kiến đào tạo 127 lượt người với tổng kinh phí khoảng 625 triệu đồng.

ĐVT: triệu đồng				
Chỉ tiêu	Số lượt người cần Đào tạo	Địa điểm	Thời gian	Chi phí
Huấn luyện ATLD (Cty)	65	Haxaco (kết hợp với TT Kiểm định & HLKTATLD)	Quý III/2011	4
Huấn luyện PCCC (Cty)	20	Đội PCCC Quận Bình Thạnh	Quý II/ 2011	9
Anh văn nâng cao (Ban TGĐ)	1	Cleverlearn	cả năm	120
Anh văn (TC:1, KTTTC:2, DV:5, KD:12, MH:3)	23	Bên ngoài	cả năm	183
Các khóa huấn luyện cập nhật thông tin mới về kỹ thuật trong chẩn đoán sửa chữa xe, giới thiệu xe mới, các kỹ năng theo tiêu chuẩn nhà phân phối	Theo kế hoạch của MBV	MBV	cả năm	12
Cấu tạo và kỹ thuật trong sửa chữa xe	CVDV & KTV	Cty Haxaco	cả năm	
Tra cứu phụ tùng	1	MBV	Theo lịch MBV	
Hội thảo về Lãnh đạo, Quản lý và thị trường (TGĐ, GĐKD, Managers và Cán Thơ)	20		cả năm	100
Quản lý kho (KD: 02; DV: 1; MH: 1)	4	MBV, VCCI	Quý I/2011	12
Kỹ năng giao tiếp (DV: 40; KD: 10)	50	Samco, Pace	Quý II/ 2011	50
Chăm sóc khách hàng (DV: 2; KD: 5)	7	MBV, PACE	Quý II/ 2011	14
CEO (KD: 2; DV: 1)	3	ĐHKT, Pace	Quý II/ 2011	45
Quản lý bán hàng (KD)	12	Pace	Quý III/ 2011	20
Marketing (KD: 3; DV: 1)	4	ĐHKT, Pace	Quý I&II/2011	20
PR Manager (KD)	1	ĐHKT, Pace	Quý I&II/2011	12
Kế toán kho (MH: 1)	1	ĐHKT TP. HCM	Quý III/2011	2
Các lớp học Đảng, đoàn thể	15	Các tổ chức đào tạo	cả năm	5
Tập huấn các chuyên đề về lĩnh vực kế toán	9	Trưởng ĐHK, Hội Kế toán TP.HCM	cả năm	17
Cộng	127			625

KẾ HOẠCH 2011

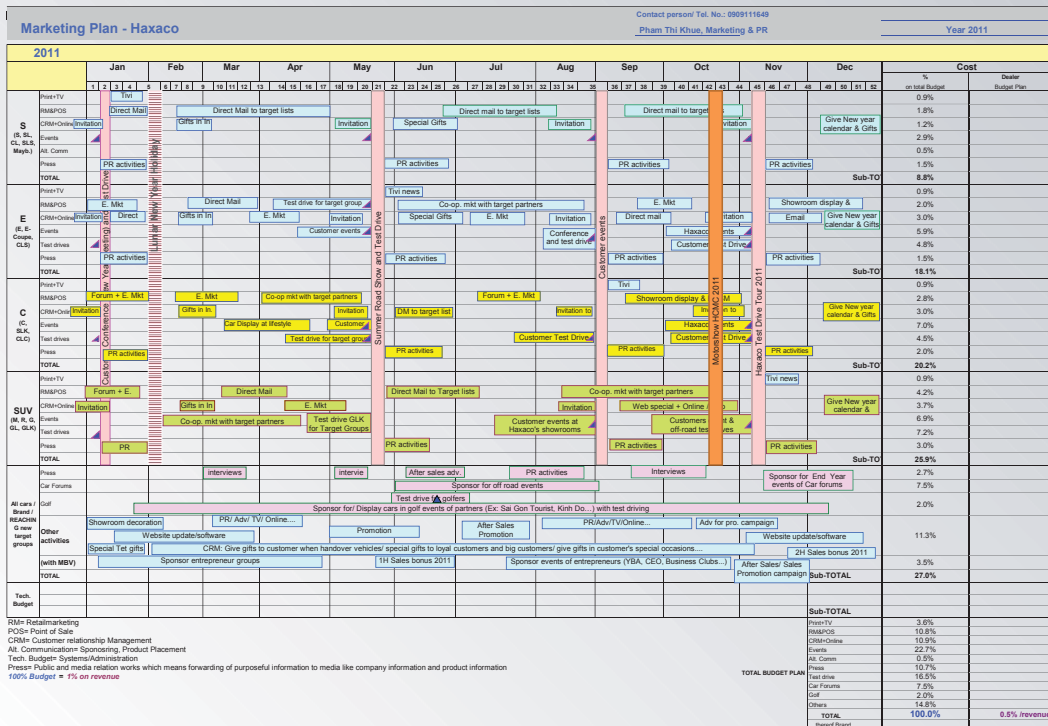
KẾ HOẠCH NHÂN SỰ

Tổng số nhân sự hiện tại là 163 người. Dự kiến trong năm 2011, HAXACO sẽ bổ sung khoảng 14 nhân sự cho các nhu cầu phát triển và giảm 05 nhân sự không đạt yêu cầu.



Chỉ tiêu	Nhân sự	Bổ sung Nhân sự	Giảm Nhân sự
1. Ban Tổng Giám Đốc	1	0	0
2. Văn phòng Tổng Giám Đốc	4	0	0
3. Phòng Tổ chức Hành chính	28	0	0
Lãnh đạo phòng	1	-	-
Nhân viên văn phòng	3	-	-
Nhân viên IT	1	-	-
Bảo vệ	14	-	-
Tài xế, phụ xế	7	-	-
Cơ điện	1	-	-
Nhân viên phục vụ	1	-	-
4. Phòng Kế toán	11	0	0
5. Phòng Kinh Doanh	59	11	5
Lãnh đạo phòng	5	-	-
Nhân viên văn phòng + Marketing	6	1	-
Nhân viên tiếp tân	2	-	-
Thủ kho	1	-	-
Nhân viên giao nhận	2	-	-
Nhân viên làm giấy tờ xe	1	-	-
NV bán hàng + Giám sát bán hàng	37	10	5
Nhân viên phục vụ	3	-	-
Nhân viên quầy giải khát	2	-	-
6. Phòng Dịch vụ	55	2	0
Lãnh đạo phòng	3	0	0
Nhân viên văn phòng	1	0	-
Cố vấn Dịch vụ	6	0	0
Nhân viên pha sơn	2	0	0
Nhân viên theo dõi tiến độ	1	0	0
Nhân viên kiểm tra cuối cùng	1	0	0
Nhân viên bảo hành	2	0	0
Nhân viên chăm sóc khách hàng	1	0	0
Nhân viên phục vụ nước + VSCN	3	1	0
Công nhân, kỹ thuật viên	36	1	0
7. Bộ phận Mua hàng	5	1	0
Tổng cộng	163	14	5

KẾ HOẠCH MARKETING



TOTAL BUDGET PLAN	Print +TV	3,6%
	RM & POS	10,8%
	CRM + Online	10,9%
	Events	22,7%
	Alt. Comm	0,5%
	Press	10,7%
	Test drive	16,5%
	Car Forums	7,5%
	Golf	2,0%
	Others	14,8%
	TOTAL	100%
	there of Brand	0,5% /revenue

CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2011

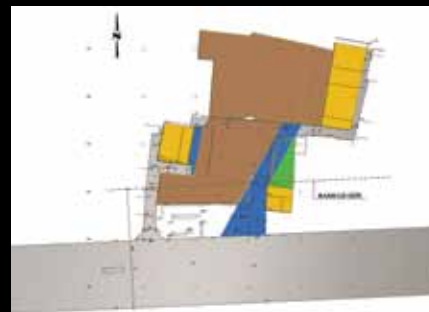




HAXACO BUILDING



Mặt bằng tổng thể



Phương án dịch hẻm

Ngày 27/04/ 2010 UBND Quận Bình Thạnh đã có văn bản số 569/UBND - QLĐT cho phép thực hiện việc hoán đổi đất để chuyển dịch hẻm.



DỰ ÁN SHOWROOM & WORKSHOP ĐL ĐÔNG TÂY



ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

HAXACO đặt cọc 50% Tổng giá trị XDCB dự kiến khoảng 450.000 USD.

**ĐẦU TƯ
TRANG THIẾT BỊ
VÀ SHOWROOM**

Dự kiến khoảng 7 tỷ đồng.

DỰ ÁN
CAMECO BUILDING (CẦN THƠ)



Hiện đã có Giấy phép xây dựng vào ngày 09/12/2010 và chuẩn bị bước vào giai đoạn 2 (*thiết kế thi công*)

DỰ ÁN KINH DOANH XE CŨ 2011

USED CAR BUSINESS			ĐVT: USD	
			Total	%
	1.	sales	100	
average	2.	turnover	41.000	
total	3.	turnover	4.100.000	
average	4.	stock value*	37.350	91,1%
average	5.	reconditioning	600	1,5%
average	6.	warranty	0	0,0%
average	7.	commission	300	0,7%
average	8.	variable cost	38.250	93,3%
total	9.	variable cost	3.825.000	93,3%
(*without additional values)				
total	10.	earning	275.000	6,7%
stock figures				
average	11.	cars in stock	32	
average	12.	stock value (incl. additional)	42.000	
total	13.	stock turnover	3	
average	14.	days in stock	117	
total	15.	imputed interest %	16,0%	
average	16.	imputed interest	1.213	
total	17.	imputed interest	38.800	0,9%
total	18.	personnel costs	1.200	0,0%
total	19.	material costs	124.200	3,0%
total	20.	marketing & ad.	20.000	0,5%
total	21.	summary (17.+18.+19.+20.)	184.200	4,5%
total	22.	profit or loss	90.800	2,2%

USED CAR BUSINESS		
1	Dealer name	Haxaco
2	Planning year	2011
Headcount & structure		
3	Sales-manager	1
4	Salesmen	4
5	Back office	1
6	Technical support	0
7	Total	6
Currency		
8	Name local currency	USD
9	Exchange rate (Date: Sep 2010)	19.500
Available display area		
10	Square meters outside (without traffic route)	775
11	Square meters inside (without traffic route)	600
12	Total square meters	1.375

NHU CẦU VỐN PHÁT TRIỂN NĂM 2011

ĐVT: triệu đồng		
STT	Nội dung	Nhu cầu
1	Nâng cấp bảo dưỡng Showroom & Workshop	2.200
2	Triển khai kinh doanh xe cũ	35.500
3	Bổ sung vốn đầu tư vào CAMECO	4.500
TỔNG NHU CẦU DỰ KIẾN		42.200

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ đông tính đến ngày chốt danh sách cổ đông 31/03/2011:	1.497 cổ đông, trong đó:
Cổ đông là nhà nước	: 01 cổ đông, sở hữu 2.628.786 cổ phần, tỷ lệ 32,63% Vốn điều lệ.
Cổ đông là HĐQT, BKS, BTGD, và KTT	: 08 cổ đông, sở hữu 760.481 cổ phần, tỷ lệ 9,44 % vốn điều lệ
Cổ đông là CB CNV trong Công ty	: 38 cổ đông, sở hữu 65.068 cổ phần, tỷ lệ 0,81 % vốn điều lệ
Cổ đông ngoài Công ty	: 1.450 cổ đông, sở hữu 4.601.511 cổ phần, tỷ lệ 57,12 % vốn điều lệ
Bao gồm:	
Tổ chức trong nước	: 45 cổ đông, sở hữu 1.274.217 cổ phần, tỷ lệ 15,82 % vốn điều lệ
Tổ chức nước ngoài	: 08 cổ đông, sở hữu 589.933 cổ phần, tỷ lệ 7,32 % vốn điều lệ
Cá nhân nước ngoài	: 95 cổ đông, sở hữu 179.054 cổ phần, tỷ lệ 2,22 % vốn điều lệ
Cá nhân trong nước	: 1.302 cổ đông, sở hữu 2.558.307 cổ phần, tỷ lệ 31,76 % vốn điều lệ

Ngày 15 tháng 04 năm 2011.

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Văn Đức





HAXACO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
HANG XANH MOTORS SERVICE JOINT STOCK COMPANY



HAXACO AUTOHAUS

SHOWROOM & WORKSHOP: 10 (235/18) Dien Bien Phu St., Ward 15, Binh Thanh Dist., HCMC, Vietnam
Tel: (84-8) 3 5120026 - Fax: (84-8) 3 5120025

CITY SHOWROOM : 104 Nguyen Van Cu St., Nguyen Cu Trinh Ward, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Tel: (84-8) 3 9208176 - Fax: (84-8) 3 9208175

www.haxaco.com.vn